

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**



**ĐỒ ÁN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KẾ TOÁN**

**KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ KINH DOANH CHI NHÁNH CÔNG TY
CỔ PHẦN PQC CONVENTION**

**GVHD: Nguyễn Thị Hoàng Anh
SVTH: NGUYỄN MAI AN
MSSV: 16125001**



Tp. Hồ Chí Minh, tháng 07/2020

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO**



**KHOÁ LUẬN TỐT NGHIỆP
NGÀNH KẾ TOÁN**

**ĐỀ TÀI: KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ
XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CHI NHÁNH
CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION**

SVTH: NGUYỄN MAI AN

MSSV: 16125001

Khoá: 2016 – 2020

Ngành: Kế toán

GVHD: ThS. Nguyễn Thị Hoàng Anh

Tp. Hồ Chí Minh, tháng 07 năm 2020

LỜI CẢM ƠN

Trải qua thời gian tiếp thu kiến thức trên giảng đường và từ các thầy cô giảng dạy đầy tâm huyết, em đã có đủ tự tin để có thể thực hiện đề tài Khóa luận tốt nghiệp này. Nhưng vì kiến thức và kỹ năng còn hạn chế nên việc tự bản thân hoàn thành là một điều không hề đơn giản. Vì vậy, em muốn gửi lời cảm ơn sâu sắc tới:

- Cô Nguyễn Thị Hoàng Anh – Giảng viên hướng dẫn thực hiện đề tài nghiên cứu này vì đã hết lòng giúp đỡ và hướng dẫn sửa chữa những điều còn sai sót và hạn chế trong khóa luận của em.
- Ban hội đồng Bảo vệ khóa luận tốt nghiệp vì đã đưa ra những nhận xét đúng đắn, giúp em hiểu rõ những khuyết điểm trong bài nghiên cứu của em.
- Thư viện trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh vì đã cung cấp nguồn tài liệu tham khảo dồi dào giúp em có cơ sở để tham khảo, học hỏi, thực hiện khóa luận.
- Phòng Tài chính Công ty Cổ phần PQC Convention vì đã cung cấp những thông tin cần thiết để em có nền tảng thực hiện khóa luận.

Cuối cùng, em muốn gửi lời cảm ơn đến toàn thể thầy cô trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh nói chung cũng như khoa Đào tạo Chất lượng cao nói riêng vì đã dẫn dắt, truyền đạt những kiến thức cần thiết và bổ ích cho em suốt những năm theo học tại đây, để em có cơ hội thực hiện khóa luận tốt nghiệp này một cách thuận lợi, làm hành trang để chuẩn bị cho tương lai sắp tới. Em có thể nói rằng bản thân em tự hào vì là sinh viên của trường Đại học Sư Phạm Kỹ Thuật Thành phố Hồ Chí Minh.

TÓM TẮT NỘI DUNG

Trong tình hình kinh tế Việt Nam ngày càng được hội nhập và phát triển, các doanh nghiệp luôn cố gắng tìm kiếm chỗ đứng vững chắc trên thị trường cả trong và ngoài nước. Từ đó dẫn đến việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau về cả chất lượng lẫn giá cả sản phẩm như là một điều tất yếu.

Vì vậy, để chứng minh được vị trí trên thị trường, mọi hoạt động của doanh nghiệp cần phải đem lại lợi nhuận ở mức tối ưu. Có thể nói, lợi nhuận chính là con số cuối cùng thể hiện được sự hiệu quả trong kế hoạch kinh doanh, sản xuất thương mại của doanh nghiệp đó trong một khoảng thời gian nhất định. Lợi nhuận cao chứng tỏ doanh nghiệp đã có những bước đi đúng đắn trong hoạt động kinh doanh. Nhưng để có được điều đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát tốt hai chỉ tiêu: doanh thu và chi phí. Doanh thu ở mức tối đa với mức chi phí tối thiểu là mục đích của mọi kế hoạch hoạt động được lập ra nhằm đem lại nguồn lợi nhuận dồi dào. Kiểm soát tốt được hai chỉ tiêu này, nhà quản trị có thể đưa ra được quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Lúc này, vai trò của vị trí kế toán chính là hạch toán một cách chính xác và cẩn thận nhằm đưa ra được những thông tin chính xác để giúp nhà quản trị có thể vạch ra được những kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Từ lý do trên, em chọn đề tài “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh của Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention”. Hy vọng qua bài khoá luận này, em có thể nhìn nhận được các vấn đề đang hiện hữu trong kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó có thể đưa ra được những nhận xét, kiến nghị nhằm giúp hoạt động kinh doanh của Công ty được hiệu quả hơn.

SUMMARY

In the context of Vietnam's economy increasingly integrated and developed, every enterprise always tries to have a firm foothold in the market both at home and abroad. This leads to competition among enterprises for both quality and price as an indispensable thing.

Therefore, to prove that enterprise deserve their position in the market, every step in the business operations of the business needs to bring back the profits at an optimal level. It can be said that profit is the last number showing the efficiency in business plans, commercial production of that enterprise in a certain period. High profit shows that the enterprise has made the right things in its operations. But, enterprises need to control well two criteria: **revenue** and **cost** to get that desired result. Revenue at the maximum level with minimum cost is the purpose of every operation plan made to bring abundant profits. Having good control of these two indicators, administrators can make the right decisions to improve the efficiency of production and business. At this point, the role of an accountant is to accurately and carefully account to provide accurate information so that the administrators can map out the future operational plans.

From all the above reasons, I decided to choose the topic "Accounting of Revenue, Cost and Determining business results of BRANCH OF PQC CONVENTION CORPORATION". Hopefully, through this essay, I can absorb the current issues in the company's business and production plan. From that, I can tell my opinions and recommendations to help the company's operation more efficient.

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	i
TÓM TẮT NỘI DUNG	ii
SUMMARY	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	viii
DANH MỤC BẢNG	ix
DANH MỤC SƠ ĐỒ	x
DANH MỤC PHỤ LỤC HÌNH ẢNH	xi
TÀI LIỆU THAM KHẢO	1
LỜI MỞ ĐẦU	2
1. Lý do chọn đề tài	2
2. Mục tiêu nghiên cứu	2
3. Phương pháp nghiên cứu	3
4. Phạm vi nghiên cứu	3
5. Bộ cục	3
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	4
1.1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY	4
1.1.1 Giới thiệu chung	4
1.1.2 Lịch sử hình thành	4
1.1.3 Chức năng	5
1.1.4 Nhiệm vụ.....	5
1.1.5 Tầm nhìn và sứ mệnh.....	5
1.2 BỘ MÁY QUẢN LÝ	5
1.2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý	5
1.2.2 Chức năng và nhiệm vụ các bộ phận	6
1.3 BỘ MÁY KẾ TOÁN	7
1.3.1 Sơ đồ bộ máy kế toán.....	7
1.3.2 Chức năng và nhiệm vụ	7

1.3.3	Chế độ và chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty	9
TÓM TẮT CHƯƠNG 1.....		13
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....		14
2.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....		14
2.1.1	Khái niệm.....	14
2.1.2	Vai trò	14
2.2 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG.....		15
2.2.1	Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	15
2.2.2	Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	21
2.2.3	Kế toán giá vốn hàng bán	23
2.2.4	Kế toán chi phí bán hàng	28
2.2.5	Kế toán quản lý doanh nghiệp	30
2.3 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		32
2.3.1	Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	32
2.3.2	Kế toán chi phí tài chính.....	36
2.4 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KHÁC		38
2.4.1	Kế toán thu nhập khác	38
2.4.2	Kế toán chi phí khác	39
2.5 KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP		41
2.5.1	Khái niệm.....	41
2.5.2	Nguyên tắc hạch toán.....	42
2.5.3	Tài khoản và chứng từ sử dụng.....	42
2.5.4	Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu	44
2.6 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....		45
2.6.1	Khái niệm.....	45
2.6.2	Nguyên tắc hạch toán.....	46
2.6.3	Tài khoản và chứng từ sử dụng.....	46
2.6.4	Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu	47

TÓM TẮT CHƯƠNG 2	48
CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN	49
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ	49
KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN	49
PQC CONVENTION	49
3.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION	49
3.1.1 Nội dung	49
3.1.2 Vai trò	50
3.2 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG	51
3.2.1 Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	51
3.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	55
3.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán	55
3.2.4 Kế toán chi phí bán hàng	59
3.2.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	60
3.3 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	61
3.3.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	61
3.3.2 Kế toán chi phí tài chính	62
3.4 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KHÁC	62
3.4.1 Kế toán thu nhập khác	62
3.4.2 Kế toán chi phí khác	63
3.5 KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	64
3.5.1 Khái niệm.....	64
3.5.2 Chứng từ sử dụng.....	64
3.5.3 Tài khoản sử dụng.....	64
3.5.4 Nghiệp vụ phát sinh chủ yếu	65
3.6 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	65
3.6.1 Khái niệm.....	65
3.6.2 Chứng từ sử dụng.....	65

3.6.3	Tài khoản sử dụng.....	65
3.6.4	Nghiệp vụ phát sinh chủ yếu	66
CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ		69
4.1	CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN XÉT	69
4.2	NHẬN XÉT CHUNG	69
4.2.1	Ưu điểm	70
4.2.2	Hạn chế còn tồn tại	72
4.2.3	Kiến nghị.....	74
TÓM TẮT CHƯƠNG 4.....		75
KẾT LUẬN		76
PHỤ LỤC		77

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BẢNG DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	
BDS	Bất động sản
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chi phí
GTGT	Giá trị gia tăng
NH	Ngân hàng
NCTT	Nhân công trực tiếp
NVLTT	Nguyên vật liệu trực tiếp
NSNN	Ngân sách nhà nước
XK	Xuất khẩu
SXC	Sản xuất chung
SXKD	Sản xuất kinh doanh
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TSCĐ	Tài sản cố định

DANH MỤC BẢNG

BẢNG	TRANG
Bảng 3.1: Trích số cái Tài khoản 511	63
Bảng 3.2: Trích Số cái Tài khoản 621	68
Bảng 3.3: Trích Số cái Tài khoản 622	69
Bảng 3.4: Trích Số cái Tài khoản 627	70
Bảng 3.5: Trích Số cái Tài khoản 154	71
Bảng 3.6: Trích Số cái Tài khoản 632	71
Bảng 3.7: Trích Số cái Tài khoản 641	73
Bảng 3.8: Trích Số cái Tài khoản 642	75
Bảng 3.9: Trích Số cái Tài khoản 515	77
Bảng 3.10: Trích Số cái Tài khoản 711	78
Bảng 3.11: Trích Số cái Tài khoản 811	80
Bảng 3.12: Trích Số cái Tài khoản 821	81
Bảng 3.13: Trích số cái Tài khoản 911	84

DANH MỤC SƠ ĐỒ

SƠ ĐỒ	TRANG
Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy quản lý	5
Sơ đồ 1.2: Tổ chức bộ máy kế toán	7
Sơ đồ 1.3: Hình thức Kế toán máy	10
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ hạch toán TK 511	20
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hạch toán TK 521	23
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán TK 632	27
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán TK 641	29
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán TK 642	32
Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán TK 515	35
Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán TK 635	37
Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán TK 711	39
Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán TK 811	41
Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán TK 8211	44
Sơ đồ 2.11: Sơ đồ hạch toán TK 8212	45
Sơ đồ 2.12: Sơ đồ hạch toán TK 911	47
Sơ đồ 3.1: Quy trình cung cấp dịch vụ	53

DANH MỤC PHỤ LỤC HÌNH ẢNH

HÌNH ẢNH	TRANG
Hình 1.1 : Tổng quan giao diện phần mềm SAP Business One	11
Hình 1.2: Thanh công cụ ngang của phần mềm SAP Business One	11
Hình 1.3: Main Menu trong phần mềm SAP Business One	12
Phụ lục 1	77
Phụ lục 2	78
Phụ lục 3	79
Phụ lục 4	80
Phụ lục 5	80
Phụ lục 6	81
Phụ lục 7	81
Phụ lục 8	82
Phụ lục 9	82
Phụ lục 10	83

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo Kết quả Kinh doanh quý 4 năm 2019 do Công ty Cổ phần PQC Convention cung cấp
2. Luật Kế toán số 88/2015/QH13 do Quốc Hội ban hành ngày 20/11/2015
3. Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014
4. Các trang web:
<https://thuvienphapluat.vn/>
<https://niceaccounting.com/>
<http://ketoanthienung.net/>
<http://quantri.vn/dict/details/4219-cac-phuong-thuc-ban-hang-trong-doanh-nghiep-thuong-mai>

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong tình hình kinh tế Việt Nam ngày càng được hội nhập và phát triển, các doanh nghiệp luôn cố gắng tìm kiếm chỗ đứng vững chắc trên thị trường cả trong và ngoài nước, từ đó dẫn đến việc cạnh tranh giữa các doanh nghiệp với nhau về cả chất lượng lẫn giá cả sản phẩm là một điều tất yếu.

Vì vậy, để chứng minh được vị trí trên thị trường, mọi hoạt động của doanh nghiệp cần phải đem lại lợi nhuận ở mức tối ưu. Có thể nói, lợi nhuận chính là con số cuối cùng thể hiện được sự hiệu quả trong kế hoạch kinh doanh, sản xuất thương mại của doanh nghiệp đó trong một khoảng thời gian nhất định. Lợi nhuận cao chứng tỏ doanh nghiệp đã có những bước đi đúng đắn trong hoạt động kinh doanh. Nhưng để có được điều đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát tốt hai chỉ tiêu: doanh thu và chi phí. Doanh thu ở mức tối đa với mức chi phí tối thiểu là mục đích của mọi kế hoạch hoạt động được lập ra nhằm đem lại nguồn lợi nhuận dồi dào. Kiểm soát tốt được hai chỉ tiêu này, nhà quản trị có thể đưa ra được quyết định đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Lúc này, vai trò của vị trí kế toán chính là hạch toán chính xác và cẩn thận nhằm đưa ra được những thông tin chính xác để giúp nhà quản trị có thể vạch ra được những kế hoạch hoạt động trong tương lai.

Từ lý do trên, em chọn đề tài “Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention”. Hy vọng qua bài báo cáo này, em có thể nhìn nhận được các vấn đề đang hiện hữu trong kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, từ đó có thể đưa ra được những nhận xét, kiến nghị nhằm giúp hoạt động kinh doanh của Công ty được hiệu quả hơn.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Việc nghiên cứu đề tài này nhằm mục đích đạt được một số mục tiêu chủ yếu như sau:

- Giới thiệu được khái quát lịch sử hình thành, lĩnh vực hoạt động và phương hướng hoạt động của Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention.
- Hệ thống hoá cơ sở lý luận về Kế toán Doanh Thu, Chi Phí và Xác Định Kết Quả Kinh Doanh.
- Tìm hiểu về quy trình kế toán tại Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention, thu thập chứng từ kế toán cũng như số liệu về doanh thu, chi phí thực tế tại Công ty, từ đó có thể xác định được kết quả kinh doanh tại Công ty.

-
- Đưa ra đề xuất, giải pháp cũng như định hướng trong tương lai nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

3. Phương pháp nghiên cứu

Để nghiên cứu đề tài này, Kế toán sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp thu thập dữ liệu từ nguồn thông tin trên Internet, báo cáo kế quả hoạt động kinh doanh từ Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention.
- Quan sát thao tác, học hỏi, lắng nghe hướng dẫn từ nhân viên tại Công ty.

4. Phạm vi nghiên cứu

Xét về không gian và thời gian, phạm vi nghiên cứu của đề tài bao gồm:

- Về thời gian:
 - Thực tập tại đơn vị từ 10/02/2020 đến 30/04/2020
 - Thời gian liên quan đến dữ liệu nghiên cứu: 01/01/2019 đến 31/12/2019
- Về không gian: Nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention.

5. Bố cục

Nội dung bài khoá luận gồm có 3 chương:

- Chương 1: Giới thiệu về công ty
- Chương 2: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chương 3: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention
- Chương 4: Nhận xét và kiến nghị

CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1.1 GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

1.1.1 Giới thiệu chung

- Tên công ty: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION
- Tên giao dịch: BRANCH OF PQC CONVENTION CORPORATION
- Địa chỉ: 8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Vốn kinh doanh: 510.000.000.000 đồng (năm trăm mười tỷ đồng)
- Lĩnh vực hoạt động: Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động.
- Logo công ty



1.1.2 Lịch sử hình thành

- Năm 2007, Công ty Cổ phần Phú Quý, nay là Công ty Cổ Phần PQC được thành lập bởi hai anh em là ông Nguyễn Hữu Phú và ông Nguyễn Hữu Quý để tập trung đầu tư trong lĩnh vực công nghệ hiếu khách (Hospitality), trong đó, Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310826692-001 được cấp ngày 28/02/2013.
- Tập đoàn PQC có công ty PQC Hospitality là công ty mẹ, góp vốn vào nhiều công ty như: Công ty Cổ phần Hotel & Restaurant (vốn điều lệ 55 tỷ đồng), Công ty Cổ phần Trường Xuân (vốn điều lệ 80 tỷ đồng), Công ty Cổ phần PQC Vạn Xuân (vốn điều lệ 50 tỷ đồng) và PQC Convention (quy mô vốn 510 tỷ đồng).

1.1.3 Chức năng

Chi nhánh Công ty PQC Convention hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực cung cấp dịch vụ nhà hàng, hội nghị, tiệc cưới, ... theo nhu cầu của khách hàng nhằm mục đích đem lại cho khách hàng trải nghiệm tốt nhất, trở thành sự lựa chọn đúng đắn của khách hàng.

1.1.4 Nhiệm vụ

Công ty hoạt động với những nhiệm vụ chính như sau:

- Đảm bảo uy tín, chất lượng dịch vụ của thương hiệu PQC Convention.
- Tuân thủ pháp luật hiện hành, các chuẩn mực kế toán Việt Nam.
- Không ngừng đào tạo, nâng cao tay nghề của đội ngũ nhân viên để đảm bảo chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn.
- Đưa ra kế hoạch quản lý hợp lý nguồn nhân lực, tài sản và nguồn vốn, đồng thời đảm bảo mức chi phí thấp để có được lợi nhuận tối đa nhất.
- Thúc đẩy phát triển, mở rộng thị trường hoạt động, quan hệ kinh doanh ra môi trường quốc tế.

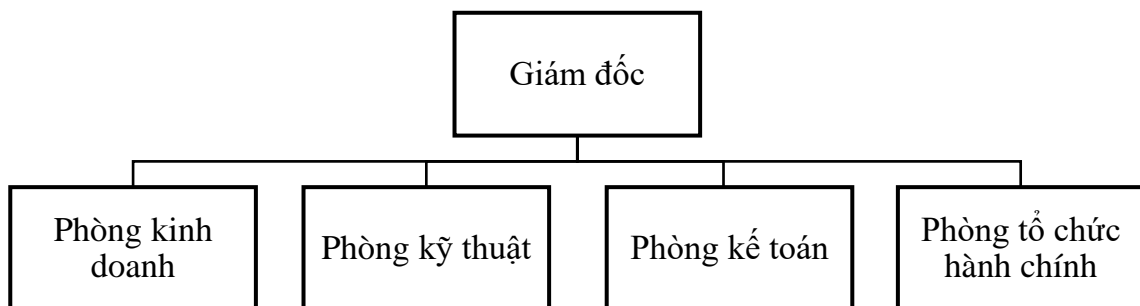
1.1.5 Tâm nhìn và sứ mệnh

Công ty tồn tại với tâm nhìn và sứ mệnh trong tương lai như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention có mong muốn trở thành một thương hiệu Việt mang tầm vóc quốc tế trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ quản lý ngành công nghệ hiếu khách, thúc đẩy đầu tư vào các dự án có liên quan và phát triển các thương hiệu trực thuộc trở thành thương hiệu hàng đầu Việt Nam.
- Thoả mãn tối đa nhu cầu của khách hàng, đưa khách hàng tới những trải nghiệm cao cấp, hiện đại bậc nhất, đảm bảo trọn vẹn mọi mong muốn của khách hàng khi đã tin tưởng lựa chọn dịch vụ của PQC Convention.

1.2 BỘ MÁY QUẢN LÝ

1.2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý



Sơ đồ 1.1: Tổ chức bộ máy quản lý

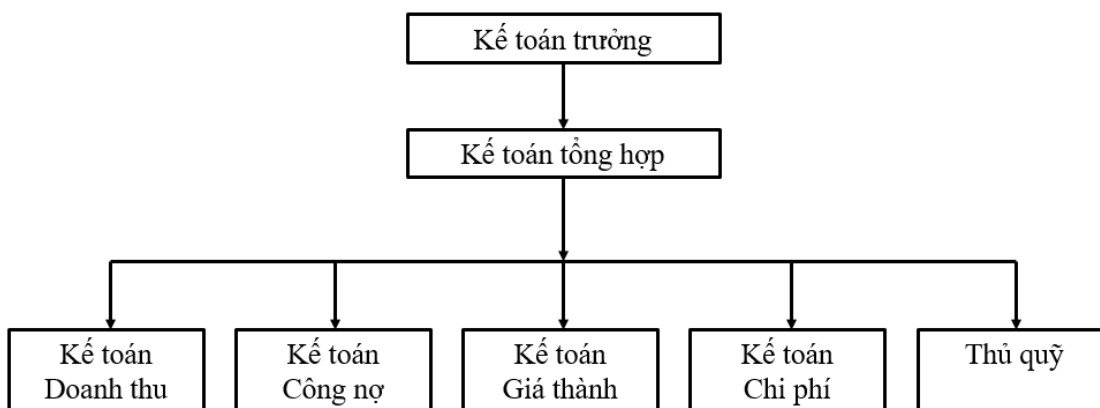
(Nguồn: Phòng Nhân sự Công ty)

1.2.2 Chức năng và nhiệm vụ các bộ phận

- Giám đốc
 - Làm người đại diện, chịu trách nhiệm pháp lý về hoạt động kinh doanh của toàn công ty.
 - Đề ra các phương án, chính sách, kế hoạch phát triển của công ty qua từng thời kỳ kinh doanh cũng như đề ra nhiệm vụ cụ thể cho từng phòng ban.
 - Kiểm tra, thông qua các phương án, kế hoạch trong hoạt động kinh doanh do cấp dưới đề xuất.
 - Thông qua các đề xuất về nhân sự, mức lương, ...
- Phòng kinh doanh
 - Tìm kiếm, trao đổi với khách hàng có nhu cầu sử dụng dịch vụ.
 - Liên hệ với các đối tác kinh doanh, quảng cáo, thăm dò thị trường, tìm hiểu thị hướng, nhu cầu của khách hàng đối với dịch vụ.
 - Tổng hợp, sàng lọc thông tin để lập ra kế hoạch kinh doanh trong tương lai.
- Phòng kỹ thuật:
 - Bảo trì thiết bị, máy móc sử dụng trong công ty khi đến định kỳ.
 - Tiến hành việc sửa chữa máy móc khi có sự cố trong lúc hoạt động.
 - Nghiên cứu thị trường phần mềm, ứng dụng tiện ích để đề xuất sử dụng cho bộ phận quản lý.
 - Nghiên cứu các thiết bị kỹ thuật tiên tiến để áp dụng vào quá trình sản xuất.
- Phòng kế toán:
 - Xuất hoá đơn, kiểm tra việc hàng hoá xuất nhập kho.
 - Ghi nhận, theo dõi công nợ và lập báo cáo công nợ hằng ngày.
 - Quản lý quỹ tiền mặt tại Công ty, lập báo cáo thu – chi hằng ngày.
 - Khai thuế GTGT, thuế TNCN, thuế TNDN khi tới kỳ.
 - Cập nhập các văn bản về thuế, chuẩn mực kế toán, luật kinh tế hằng ngày.
 - Tính lương, lập bảng lương và các trích lương theo quy định.
 - Xử lý các đơn đặt hàng của khách hàng.
 - Lập Báo cáo tài chính định kỳ cho công ty.
- Phòng tổ chức hành chính
 - Có nhiệm vụ tìm kiếm ứng viên, nhân sự khi các bộ phận có nhu cầu.
 - Đề xuất ý kiến về việc đề nghị tăng lương, phụ cấp, quản lý phương thức sử dụng nhân sự, tiến hành kế hoạch tổ chức sự kiện nội bộ công ty.
 - Lập hợp đồng lao động khi hết hạn thử việc.

1.3 BỘ MÁY KẾ TOÁN

1.3.1 Sơ đồ bộ máy kế toán



Sơ đồ 1.2: Bộ máy kế toán

(Nguồn: Phòng Kế Toán Công Ty)

1.3.2 Chức năng và nhiệm vụ

a. Kế toán trưởng

- Có trách nhiệm quản lý chung, kiểm soát mọi hoạt động có liên quan đến vấn đề tài chính, kế toán.
- Trực tiếp tổ chức giám sát, theo dõi các nguồn vốn được tài trợ, quản trị khoản mục tiền mặt của công ty, quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.
- Đánh giá hiệu quả quản lý sử dụng vốn của công ty và đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả của quản lý và sử dụng vốn.
- Phân tích khoản mục chi phí của Công ty, từ đó đề xuất các biện pháp tiết giảm chi phí hiệu quả.
- Kiểm tra, phân tích tình hình thực hiện kế hoạch tài chính đã xây dựng.

b. Kế toán tổng hợp

- Tập hợp các số liệu từ kế toán chi tiết tiến hành hạch toán tổng hợp, lập các báo biểu kế toán, thống kê, tổng hợp theo quy định của nhà nước và Công ty.
- Kiểm tra, tổng hợp các báo cáo của các chi nhánh khác, đảm bảo tính chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác phân tích tình hình hoạt động kinh doanh toàn Công ty.
- Kiểm tra nội dung, số liệu, định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hằng ngày của các kế toán phân hành thực hiện trên máy, để phát hiện và điều chỉnh kịp thời các sai sót (nếu có) về nghiệp vụ hạch toán, đảm bảo số liệu chính xác, kịp thời.

-
- Lập, in các báo cáo tổng hợp, báo cáo chi tiết các tài khoản, bảng cân đối tài khoản, báo cáo cân đối tiền hàng.
 - Thực hiện công tác lưu trữ số liệu, sổ sách, báo cáo liên quan đến phần hành phụ trách một cách đảm bảo an toàn và bảo mật.
 - Kiểm tra và báo cáo thuế GTGT đầu vào và đầu ra trước ngày 25 mỗi tháng và ngày 20 tháng cuối cùng của mỗi quý.
 - Kiểm tra tình hình sử dụng hoá đơn hàng tháng.
 - Quản lý và theo dõi các khoản thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước.
 - Lập tờ khai, các văn bản liên quan đến thuế khi cần thiết.
- c. Kế toán doanh thu
- Kiểm tra số liệu doanh thu hàng ngày của đơn vị nhà hàng và hoàn tất các báo cáo doanh thu liên quan.
 - Chịu trách nhiệm kiểm soát, cập nhật chính xác, kịp thời các khoản thu.
- d. Kế toán công nợ
- ❖ Phải trả
 - Đối chiếu hóa đơn và các chứng từ liên quan nhằm đảm bảo tính có thực, tính chính xác, ...
 - Nhận chứng từ thanh toán (Giấy báo Nợ, Phiếu chi, ...) đối chiếu với các chứng từ liên quan (hóa đơn và chứng từ khác) nhằm đảm bảo tính chính xác, hợp lý của nghiệp vụ thanh toán trước khi ghi sổ, nhập liệu.
 - Theo dõi chi tiết các khoản phải thu của khách hàng theo từng chứng từ nhận nợ và thanh toán.
 - Đối chiếu số liệu với Kế toán Thanh toán, Bộ phận kinh doanh, ...
 - Kiểm tra đối chiếu và cung cấp thông tin cho các bộ phận có liên quan trong quá trình xử lý các nghiệp vụ tính lương, thưởng cho nhân viên hay chiết khấu cho khách hàng.
 - ❖ Phải thu
 - Kiểm tra đối chiếu theo định kỳ từng khoản nợ phát sinh, số phải thu và số còn phải thu.
 - Theo dõi các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ để cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá quy đổi thực tế.
 - Phân loại các khoản nợ phải thu theo thời gian thanh toán cũng như từng đối tượng.
 - Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời và chính xác các nghiệp vụ thanh toán phát sinh theo từng đối tượng, từng khoản thanh toán có kết hợp với thời hạn thanh toán, đơn đốc việc thanh toán, tránh chiếm dụng vốn.
-

-
- e. Kế toán giá thành
 - Theo dõi việc xuất - nhập nguyên vật liệu, kiểm tra các phiếu xuất - nhập kho, đảm bảo khớp số lượng thực tế và số lượng trên đơn đặt hàng.
 - Xác định đối tượng kế toán tập hợp chi phí và đối tượng giá thành sản phẩm phù hợp với yêu cầu và đặc thù của Công ty.
 - Tính giá thành thực tế của các loại sản phẩm đã hoàn thành, sản phẩm dở dang,... qua phần mềm SAP.
 - f. Kế toán chi phí
 - Mở sổ theo dõi chi tiết chi phí theo từng yếu tố, từng khoản mục và địa điểm phát sinh chi phí.
 - Xác định tiêu thức phân bổ và phân bổ chi phí kinh doanh cho hàng hoá đã tiêu thụ trong kỳ và hàng còn lại chưa tiêu thụ trong trường hợp doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài và lượng hàng hoá tồn kho cuối kỳ lớn.
 - Cung cấp số liệu cho việc kiểm tra, phân tích, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch chi phí của doanh nghiệp.
 - g. Thủ quỹ
 - Kiểm đếm thu, chi tiền mặt chính xác và bảo quản an toàn quỹ tiền mặt của đơn vị.
 - Thực hiện nghiêm chỉnh định mức tồn quỹ tiền mặt của Nhà nước quy định.
 - Hạch toán chính xác đầy đủ các nghiệp vụ của quỹ tiền mặt, và làm các báo cáo về quỹ tiền mặt.

1.3.3 Chế độ và chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty

1.3.3.1 Chế độ kế toán

a. Chế độ kế toán:

Hiện nay, Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention đang áp dụng chế độ kế toán theo Thông tư 200/2014/TT-BTC về Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

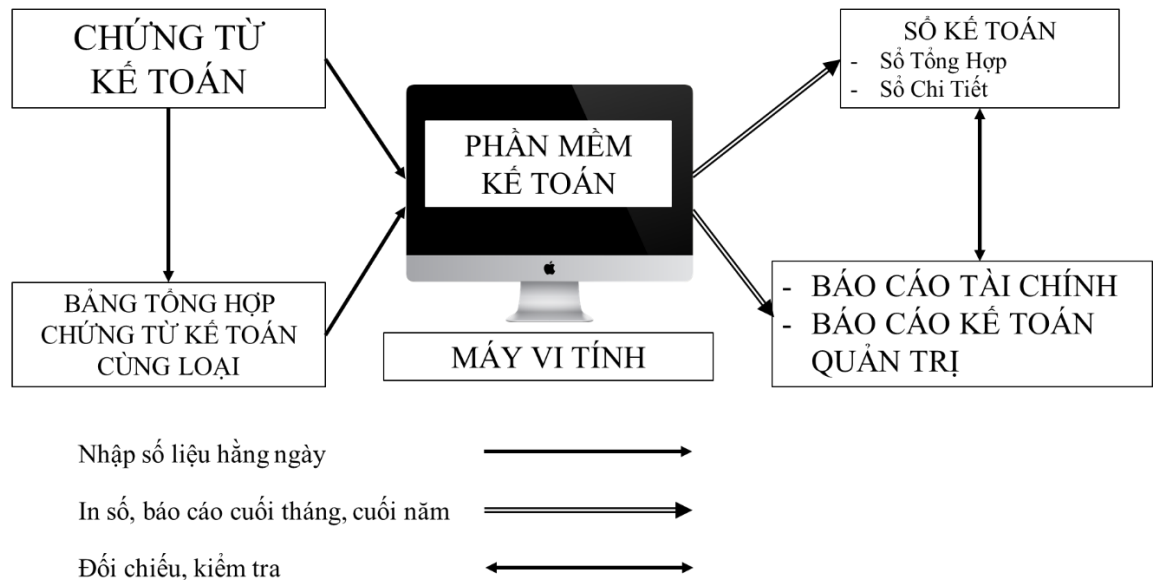
b. Chính sách kế toán:

- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam đồng (VND)
- Ngày bắt đầu niên độ kế toán: bắt đầu vào ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 mỗi năm
- Kỳ kế toán: theo quý
- Phương pháp kê khai thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kiểm tra định kỳ
- Phương pháp tính giá xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Phương pháp đường thẳng

1.3.3.2 Hình thức kế toán

a. Hình thức kế toán máy

- Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention áp dụng hình thức kế toán máy và tổ chức sổ theo hình thức Nhật ký chung.
- Sơ đồ của hình thức kế toán máy:



Sơ đồ 1.3: Hình thức Kế toán máy

(Nguồn: Tổng hợp từ các tác giả)

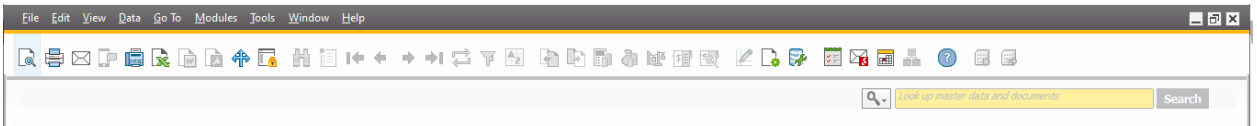
b. Phần mềm kế toán

- Chi nhánh Công ty Cổ phần PQC Convention hiện đang sử dụng phần mềm kế toán SAP Business One.
- Tổng quan phần mềm:



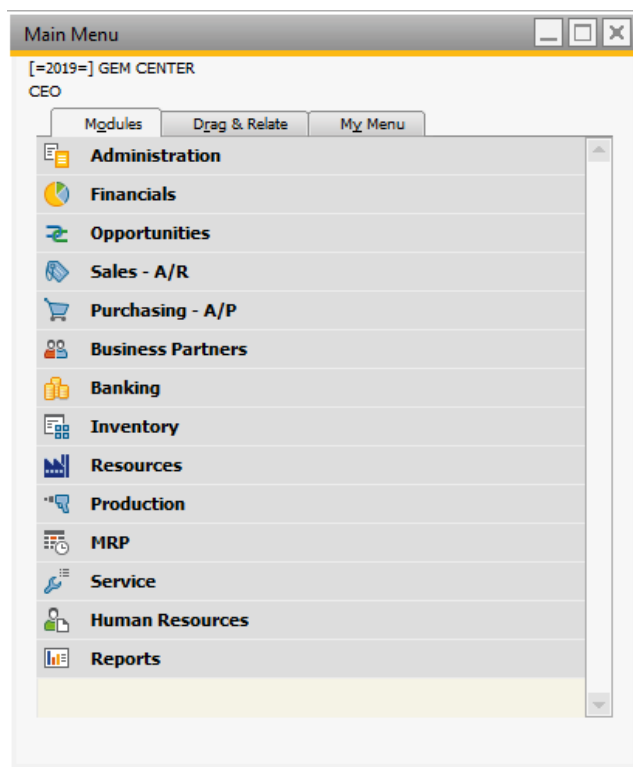
*Hình 1.1 : Tổng quan giao diện phần mềm SAP Business One
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)*

- Giao diện chính gồm có thanh công cụ ngang dùng và Main Menu.
 - Thanh công cụ ngang dùng để cài đặt, điều chỉnh, xuất và tìm kiếm dữ liệu đã được nhập vào phần mềm.



*Hình 1.2: Thanh công cụ ngang của phần mềm SAP Business One
(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)*

- Menu dùng để thực hiện các nghiệp vụ chính trong doanh nghiệp gồm:



Hình 1.3: Main Menu trong phần mềm SAP Business One

(Nguồn: Phòng kế toán Công ty)

1. Administration: dùng để lựa chọn chi nhánh đơn vị quản lý trong doanh nghiệp
2. Financials: các nghiệp vụ liên quan đến tài chính
3. Opportunities: cơ hội bán hàng
4. Sale – A/R: lưu trữ thông tin liên quan đến nghiệp vụ bán hàng
5. Purchasing – A/R: lưu trữ thông tin liên quan đến nghiệp vụ mua hàng
6. Business Partners: lưu trữ thông tin khách hàng
7. Banking: nghiệp vụ ngân hàng
8. Inventory: hàng hóa, thành phẩm, sản phẩm
9. Resources: nguyên vật liệu
10. Service: dịch vụ
11. Human Resources: thông tin công nhân viên, người lao động
12. Report: lưu trữ và xuất số sách, báo cáo của doanh nghiệp

TÓM TẮT CHƯƠNG 1

Chương 1 đã phần nào giới thiệu khái quát về lịch sử hình thành, quá trình phát triển, cơ cấu tổ chức và loại hình kinh doanh của Công ty Cổ phần PQC Convention. Từ đó, người đọc dễ dàng nắm bắt được những thông tin cơ bản về doanh nghiệp. Bên cạnh đó, việc giới thiệu chi tiết về bộ máy cũng như chế độ kế toán mà doanh nghiệp đang áp dụng đóng vai trò làm cơ sở giúp cho người đọc có thể hình dung rõ ràng hơn về quy trình công tác Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định Kết Quả Kinh Doanh tại Công ty Cổ phần PQC Convention.

Trong chương 2, chúng ta sẽ tìm hiểu về cơ sở lý luận về Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định Kết quả Kinh doanh trước khi đi sâu vào thực trạng kinh doanh tại Công ty Cổ phần PQC Convention.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

2.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

2.1.1 Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, ta có thể hiểu:

- Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.
- Chi phí là các hao phí về nguồn lực để doanh nghiệp đạt được một hoặc những mục tiêu cụ thể. Nói một cách cụ thể hơn, chi phí là số tiền mà doanh nghiệp phải trả để thực hiện các hoạt động kinh tế như sản xuất, giao dịch,... dẫn đến là giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.
- Kết quả hoạt động kinh doanh là phần thu nhập còn lại sau khi trừ đi tất cả các chi phí. Kết quả kinh doanh là mục đích cuối cùng của mọi doanh nghiệp, nó phụ thuộc vào quy mô và chất lượng của quá trình sản xuất kinh doanh.

2.1.2 Vai trò

Hoạt động tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh mang ý nghĩa sống còn, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tổ chức công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những điều kiện để doanh nghiệp đa dạng hoá các mặt hàng cũng như hạn chế các loại sản phẩm không đem lại lợi ích nhằm đạt được mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận, khai thác triệt để nhu cầu thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu dùng của xã hội.

Việc tiêu thụ sản phẩm còn góp phần nâng cao năng lực kinh doanh của doanh nghiệp, thể hiện kết quả của quá trình nghiên cứu, giúp doanh nghiệp tìm chỗ đứng và mở rộng thị trường.

Trong nền kinh tế hiện nay, hoạt động tiêu thụ đóng vai trò kích thích tiêu dùng, hướng dẫn sản xuất phát triển để đạt được sự thích ứng tối ưu giữa cung và cầu trên thị trường. Bên cạnh đó, tiêu thụ cũng góp phần giúp phát triển cân đối giữa các ngành nghề, khu vực trong toàn nền kinh tế. Kết quả tiêu thụ của mỗi doanh nghiệp chính là biểu hiện cho sự tăng trưởng kinh tế, là nhân tố tích cực tạo nên bộ mặt của nền kinh tế quốc dân.

2.2 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

2.2.1 Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

2.2.1.1 Khái niệm

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính:

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền đã thu hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

2.2.1.2 Các phương thức bán hàng

❖ *Doanh nghiệp thương mại nội địa*

Bán buôn hàng hoá: là hình thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn, thực chất người mua hàng hoá là những nhà cung cấp trung gian, hàng hoá sau khi bán buôn chưa đến tay người dùng trực tiếp. Bán buôn hàng hoá có thể theo các phương thức sau:

- Phương thức bán buôn hàng hoá qua kho: Bán buôn hàng hoá qua kho là phương thức bán buôn hàng hoá mà trong đó, hàng bán phải được xuất từ kho bảo quản của doanh nghiệp. Bán buôn hàng hoá qua kho có thể thực hiện dưới hai hình thức:
 - Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức giao hàng trực tiếp: Theo hình thức này, bên mua cử đại diện đến kho của doanh nghiệp thương mại để nhận hàng. Doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá giao trực tiếp cho đại diện bên mua. Sau khi đại diện bên mua nhận đủ hàng, thanh toán tiền hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác định là tiêu thụ.
 - Bán buôn hàng hoá qua kho theo hình thức chuyển hàng: Theo hình thức này, căn cứ vào hợp đồng kinh tế đã ký kết hoặc theo đơn đặt hàng, doanh nghiệp thương mại xuất kho hàng hoá, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc đi thuê ngoài, chuyển hàng đến kho của bên mua hoặc một địa điểm nào đó bên mua quy định trong hợp đồng. Hàng hoá chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại. Chỉ khi nào được bên mua kiểm nhận, thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì số hàng chuyển giao mới được coi là tiêu thụ, người bán mất quyền sở hữu về số hàng đã giao. Chi phí vận chuyển do doanh nghiệp thương mại chịu hay bên mua chịu là do sự thoả thuận từ trước giữa hai bên. Nếu doanh nghiệp thương mại chịu chi phí vận chuyển, sẽ được

ghi vào chi phí bán hàng. Nếu bên mua chịu chi phí vận chuyển, sẽ phải thu tiền của bên mua.

- Phương thức bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng: Theo phương thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua, không đưa về nhập kho mà chuyển bán thẳng cho bên mua. Phương thức này có thể thực hiện theo hai hình thức:
 - Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp (còn gọi là hình thức giao tay ba): Theo hình thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, giao trực tiếp cho đại diện của bên mua tại kho người bán. Sau khi đại diện bên mua ký nhận đủ hàng, bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận nợ, hàng hoá được xác nhận là tiêu thụ.
 - Bán buôn hàng hoá vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng: Theo hình thức này, doanh nghiệp thương mại sau khi mua hàng, nhận hàng mua, dùng phương tiện vận tải của mình hoặc thuê ngoài vận chuyển hàng đến giao cho bên mua ở địa điểm đã được thoả thuận. Hàng hoá chuyển bán trong trường hợp này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại. Khi nhận được tiền của bên mua thanh toán hoặc giấy báo của bên mua đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì hàng hoá chuyển đi mới được xác định là tiêu thụ.

Bán lẻ hàng hoá là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các tổ chức kinh tế hoặc các đơn vị kinh tế tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ. Bán hàng theo phương thức này có đặc điểm là hàng hoá đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá đã được thực hiện. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định. Bán lẻ có thể thực hiện dưới các hình thức sau:

- Hình thức bán lẻ thu tiền tập trung: Bán lẻ thu tiền tập trung là hình thức bán hàng mà trong đó tách rời nghiệp vụ thu tiền của người mua và nghiệp vụ giao hàng cho người mua. Mỗi quầy hàng có một nhân viên thu tiền làm nhiệm vụ thu tiền của khách, viết hoá đơn hoặc tích kê cho khách để khách đến nhận hàng ở quầy hàng do nhân viên bán hàng giao. Hết ca (hoặc hết ngày) bán hàng, nhân viên bán hàng căn cứ vào hoá đơn và tích kê giao hàng cho khách hoặc kiểm kê hàng hoá tồn quầy để xác định số lượng hàng đã bán trong ngày, trong ca và lập báo cáo bán hàng. Nhân viên thu tiền làm giấy nộp tiền và nộp tiền bán hàng cho thủ quỹ.
- Hình thức bán lẻ thu tiền trực tiếp: Theo hình thức này, nhân viên bán hàng trực tiếp thu tiền của khách và giao hàng cho khách. Hết ca, hết ngày bán hàng, nhân viên bán hàng làm giấy nộp tiền và nộp tiền cho thủ quỹ. Đồng thời, kiểm kê

hàng hoá tồn quầy để xác định số lượng hàng đã bán trong ca, trong ngày và lập báo cáo bán hàng.

- Hình thức bán lẻ tự phục vụ (tự chọn): Theo hình thức này, khách hàng tự chọn lấy hàng hoá, mang đến bán tình tiền để tính tiền và thanh toán tiền hàng. Nhân viên thu tiền kiểm hàng, tính tiền, lập hoá đơn bán hàng và thu tiền của khách hàng. Nhân viên bán hàng có trách nhiệm hướng dẫn khách hàng và bảo quản hàng hoá ở quầy (kệ) do mình phụ trách. Hình thức này được áp dụng phổ biến ở các siêu thị.
- Hình thức bán trả góp: Theo hình thức này, người mua được trả tiền mua hàng thành nhiều lần. Doanh nghiệp thương mại, ngoài số tiền thu theo giá bán thông thường còn thu thêm ở người mua một khoản lãi do trả chậm. Đối với hình thức này, về thực chất, người bán chỉ mất quyền sở hữu khi người mua thanh toán hết tiền hàng. Tuy nhiên, về mặt hạch toán, khi giao hàng cho người mua, hàng hoá bán trả góp được coi là tiêu thụ, bên bán ghi nhận doanh thu.
- Hình thức bán hàng tự động: Bán hàng tự động là hình thức bán lẻ hàng hoá mà trong đó, các doanh nghiệp thương mại sử dụng các máy bán hàng tự động chuyên dùng cho một hoặc một vài loại hàng hoá nào đó đặt ở các nơi công cộng. Khách hàng sau khi bỏ tiền vào máy, máy sẽ tự động đẩy hàng ra cho người mua.
- Hình thức gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá: Gửi đại lý bán hay ký gửi hàng hoá là hình thức bán hàng mà trong đó doanh nghiệp thương mại giao hàng cho cơ sở đại lý, ký gửi để các cơ sở này trực tiếp bán hàng. Bên nhận làm đại lý, ký gửi sẽ trực tiếp bán hàng, thanh toán tiền hàng và được hưởng hoa hồng đại lý. Số hàng chuyển giao cho các cơ sở đại lý, ký gửi vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp thương mại cho đến khi doanh nghiệp thương mại được cơ sở đại lý, ký gửi thanh toán tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc thông báo về số hàng đã bán được, doanh nghiệp mới mất quyền sở hữu về số hàng này.

❖ ***Doanh nghiệp kinh doanh xuất - nhập khẩu***

Việc bán hàng xuất khẩu trong các doanh nghiệp thương mại kinh doanh xuất - nhập khẩu có thể được tiến hành theo hai phương thức: xuất khẩu trực tiếp và xuất khẩu uỷ thác. Trong đó:

- Xuất khẩu trực tiếp là phương thức kinh doanh mà trong đó đơn vị kinh doanh xuất - nhập khẩu trực tiếp đàm phán, ký kết hợp đồng xuất khẩu với nước ngoài; trực tiếp giao hàng và thu tiền hàng.
- Xuất khẩu uỷ thác là phương thức kinh doanh mà trong đó đơn vị kinh doanh xuất - nhập khẩu không trực tiếp xuất khẩu hàng hoá và thu tiền hàng mà phải

thông qua một đơn vị xuất - nhập khẩu có uy tín thực hiện hoạt động xuất khẩu cho mình.

2.2.1.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thoã mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu đã được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh thu đã được hoặc sẽ thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ các dịch vụ được xác định thoã mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ gia dịch các dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch các dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về các dịch vụ thực hiện trong kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng thời kỳ được thực hiện theo phương pháp tỉ lệ hoàn thành, theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xét theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành.

Như vậy, khi hạch toán ghi nhận doanh thu phải xác định xem doanh thu từ nghiệp vụ bán hàng đó có khả năng thoã mãn những quy định về xác định và điều kiện ghi nhận doanh thu hay không. Chỉ khi những quy định và những điều kiện ghi nhận doanh thu được thoã mãn thì doanh thu mới được ghi nhận.

2.2.1.4 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng là một chỉ tiêu quan trọng trên báo cáo tài chính của các doanh nghiệp. Nó phản ánh quy mô kinh doanh, khả năng tạo ra tiền của doanh nghiệp, đồng thời liên quan mật thiết đến việc xác định lợi nhuận. Do đó, xác định doanh thu phải tuân thủ các nguyên tắc cơ bản sau:

- **Cơ sở dồn tích:** Doanh thu phải được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không phân biệt đã thu hay chưa thu tiền, doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được.

- **Phù hợp:** Khi ghi nhận doanh thu phải ghi nhận một khoản chi phí phù hợp (chi phí có liên quan đến doanh thu)

- **Thận trọng:** Doanh thu và thu nhập chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế.

(Theo chuẩn mực kế toán số 14 “Doanh thu và thu nhập khác” trong hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam – Ban hành và công bố theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

2.2.1.5 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động Doanh thu Bán hàng và Cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT)- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư và có 5 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng
- Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
- Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 5114 – Doanh thu trợ cấp giá
- Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

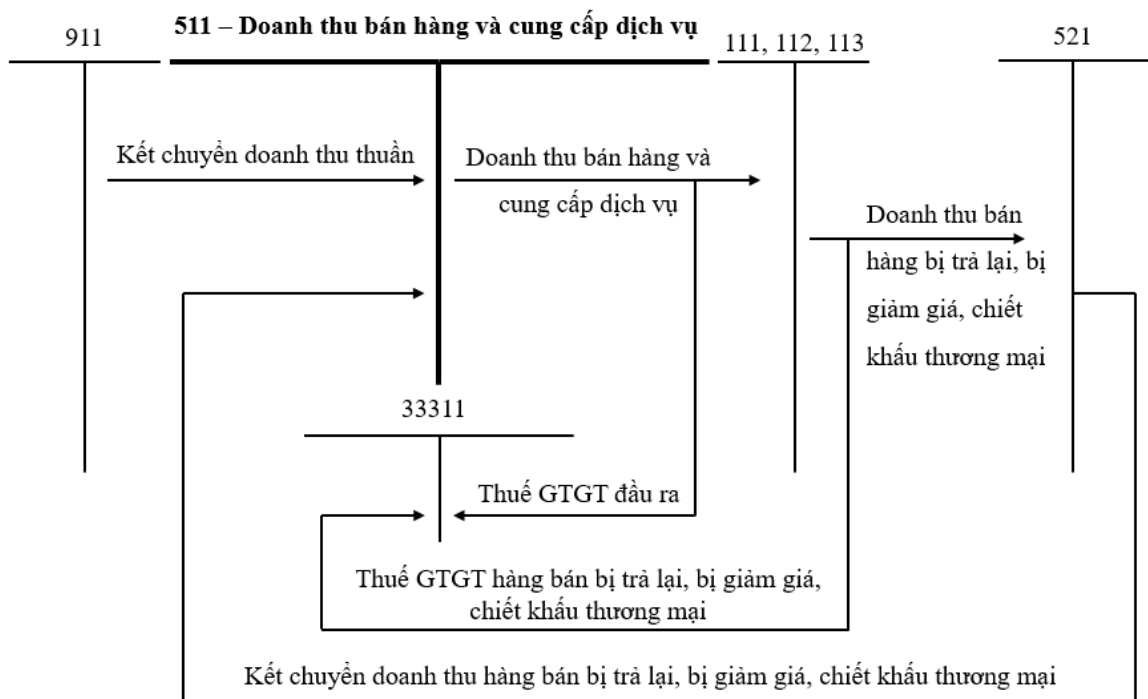
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hợp đồng kinh tế
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc thực hiện
- Bảng xác nhận giá trị thực hiện
- Công văn đề nghị thanh toán
- Biên bản thanh lý hợp đồng
- Phiếu thu, giấy báo Có của ngân hàng
- Hoá đơn bán hàng: Dùng trong doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, hoặc những mặt hàng không phải chịu thuế GTGT
- Hoá đơn GTGT
- Phiếu xuất kho
- Biên bản giao hàng

2.2.1.6 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán tài khoản 511 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ hạch toán tài khoản 511

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

2.2.2.1 Khái niệm

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:

- Chiết khấu thương mại: là khoản mà doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Đối với bên mua là khoản chiết khấu thương mại được hưởng tính trừ vào giá gốc của hàng nhập kho, thì đối với bên bán là khoản làm giảm trừ doanh thu bán hàng.
- Giảm giá hàng bán: là hàng đã bán sau đó người bán giảm trừ cho người mua một khoản tiền do hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách.
- Hàng bán bị trả lại: Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

(Nguồn: Điều 81 Thông tư 200/2014/TT-BTC)

2.2.2.2 Nguyên tắc hạch toán

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:
 - Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).
 - Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau)

2.2.2.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Ta dùng Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng- Số giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán	<ul style="list-style-type: none">- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, doanh thu của hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
- Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
- Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

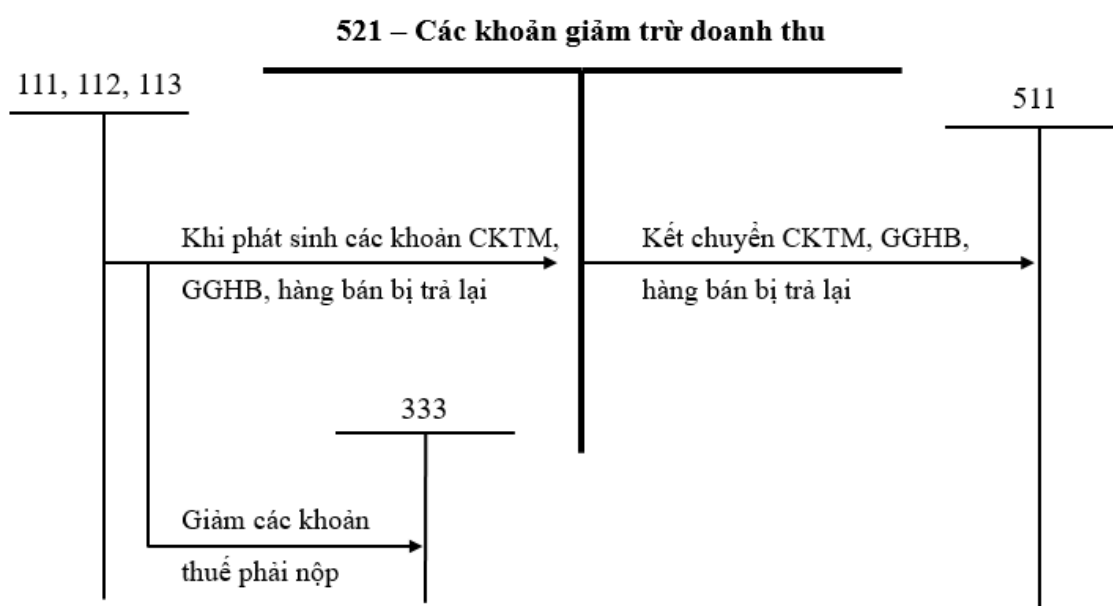
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Các khoản giảm trừ doanh thu, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT hoặc hoá đơn bán hàng có chi tiết phần chiết khấu
- Chính sách bán hàng của doanh nghiệp hoặc hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo Nợ của ngân hàng

2.2.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán tài khoản 521 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ hạch toán TK 521

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

2.2.3.1 Khái niệm

Giá vốn hàng bán là giá thực tế hoặc giá gốc của sản phẩm, dịch vụ bất động sản đầu tư. Ngoài ra, giá vốn hàng bán còn phản ánh các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh như chi phí khấu hao, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản theo từng phương thức hoạt động (trường hợp phát sinh không lớn), chi phí nhượng bán thanh lý,...

(Nguồn: Điều 89 Thông tư 200/2014/TT-BTC)

2.2.3.2 Các phương pháp tính giá xuất kho

❖ Bình quân gia quyền

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân

Công thức tính:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho bình} \\ \text{quân trong kỳ của một} \\ \text{loại sản phẩm} \end{array} = \frac{(\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ})}{(\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ})}$$

❖ **Thực tế đích danh**

Theo phương pháp này, sản phẩm, vật tư và hàng hoá xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị của hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị của hàng xuất kho được phản ánh theo giá trị thực tế của nó.

❖ **Phương pháp nhập trước, xuất trước**

Phương pháp nhập trước, xuất trước áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho mua hoặc được sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ tồn kho.

2.2.3.3 Nguyên tắc hạch toán

- Khi bán sản phẩm, hàng hoá kèm thiết bị, phụ tùng thay thế thì giá trị thiết bị, phụ tùng thay thế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.
- Đối với phần giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có).
- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hoá chưa được xác định là tiêu thụ.
- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì được hoàn thì được ghi giảm giá vốn hàng bán.

2.2.3.4 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí bán hàng, kế toán sử dụng Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.

Tài khoản 632 – Chi phí hàng bán

Nợ	Có
<p>- Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:</p> <ul style="list-style-type: none">• Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.• Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;• Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;• Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;• Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết). <p>- Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:</p> <ul style="list-style-type: none">• Số khấu hao BĐS đầu tư dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ;• Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;	<p>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh</p> <p>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;</p> <p>- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);</p> <p>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho;</p> <p>- Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).</p> <p>- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ.</p> <p>- Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.</p>

-
- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none">• Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐS đầu tư trong kỳ;• Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;• Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ;• Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán. | |
|---|--|

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2

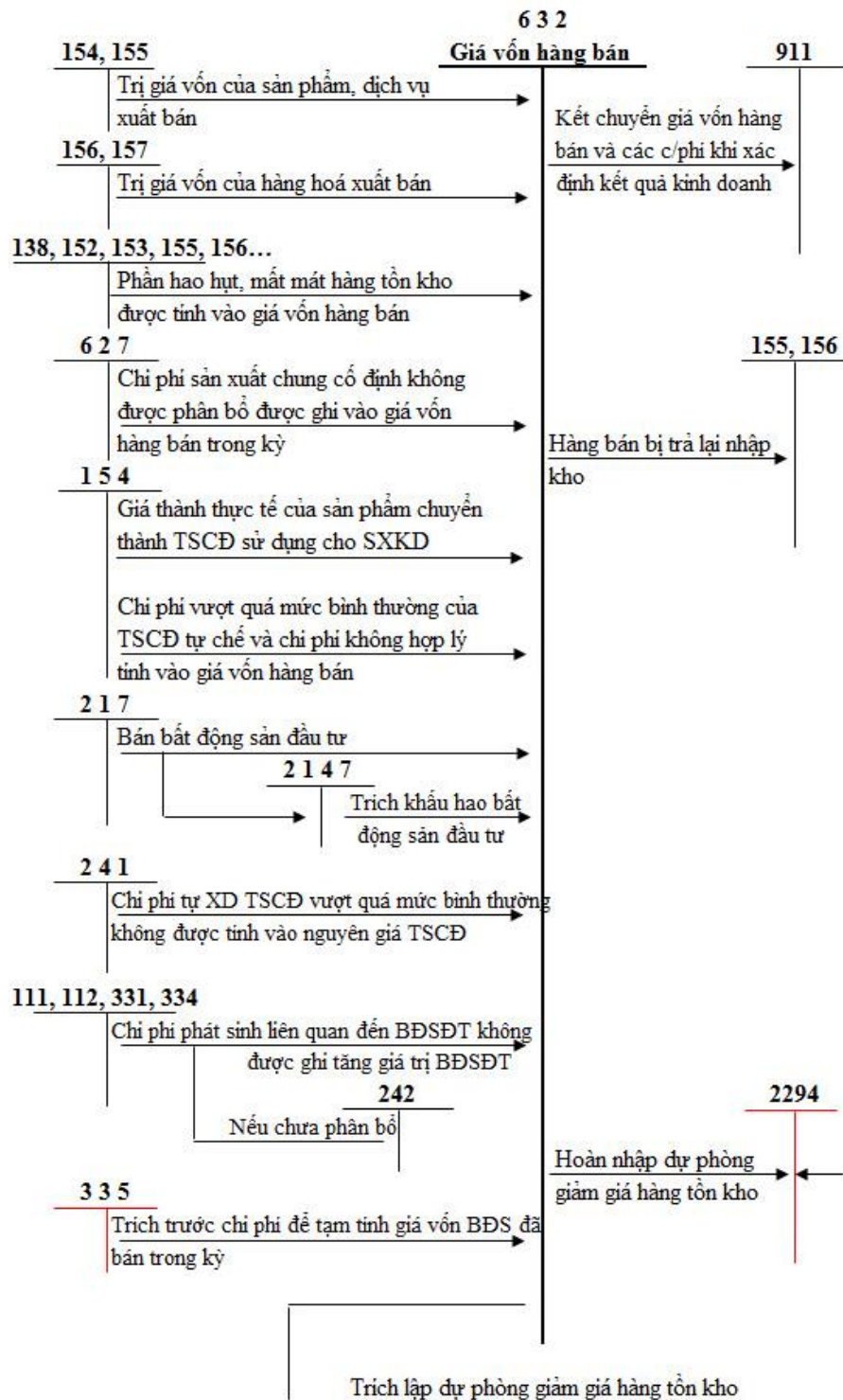
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu xuất kho của nhà cung cấp
- Hoá đơn bán hàng của nhà cung cấp
- Phiếu nhập kho của công ty vận chuyển
- Hoá đơn chi phí của công ty vận chuyển
- Hoá đơn mua hàng, hoá đơn GTGT
- Bảng tổng hợp nhập xuất tồn
- Bảng phân bổ giá vốn

2.2.3.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán tài khoản 632 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.3: Sơ đồ hạch toán TK 632

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.2.4 Kế toán chi phí bán hàng

2.2.4.1 Khái niệm

Chi phí bán hàng là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu, bao bì, chi phí dụng cụ, đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành hàng hoá, sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Đặc điểm của chi phí bán hàng là chi phí thời kỳ nên được tính trừ vào toàn bộ doanh thu để xác định kết quả kinh doanh.

(Nguồn: Điều 91 Thông tư 200/2014/TT-BTC)

2.2.4.2 Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản 641 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí như: Chi phí nhân viên, vật liệu, bao bì, dụng cụ, đồ dùng, khấu hao TSCĐ; dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác. Tùy theo đặc điểm kinh doanh, yêu cầu quản lý từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 641 có thể được mở thêm một số nội dung chi phí.

Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào bên Nợ tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

2.2.4.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí bán hàng, kế toán sử dụng tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Nợ	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ	- Khoản được ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ; - Kết chuyển chi phí bán hàng vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh" để tính kết quả kinh doanh trong kỳ

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng không có số dư cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2

- Tài khoản 6411 – Chi phí nhân viên
- Tài khoản 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
- Tài khoản 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Tài khoản 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6415 – Chi phí bảo hành

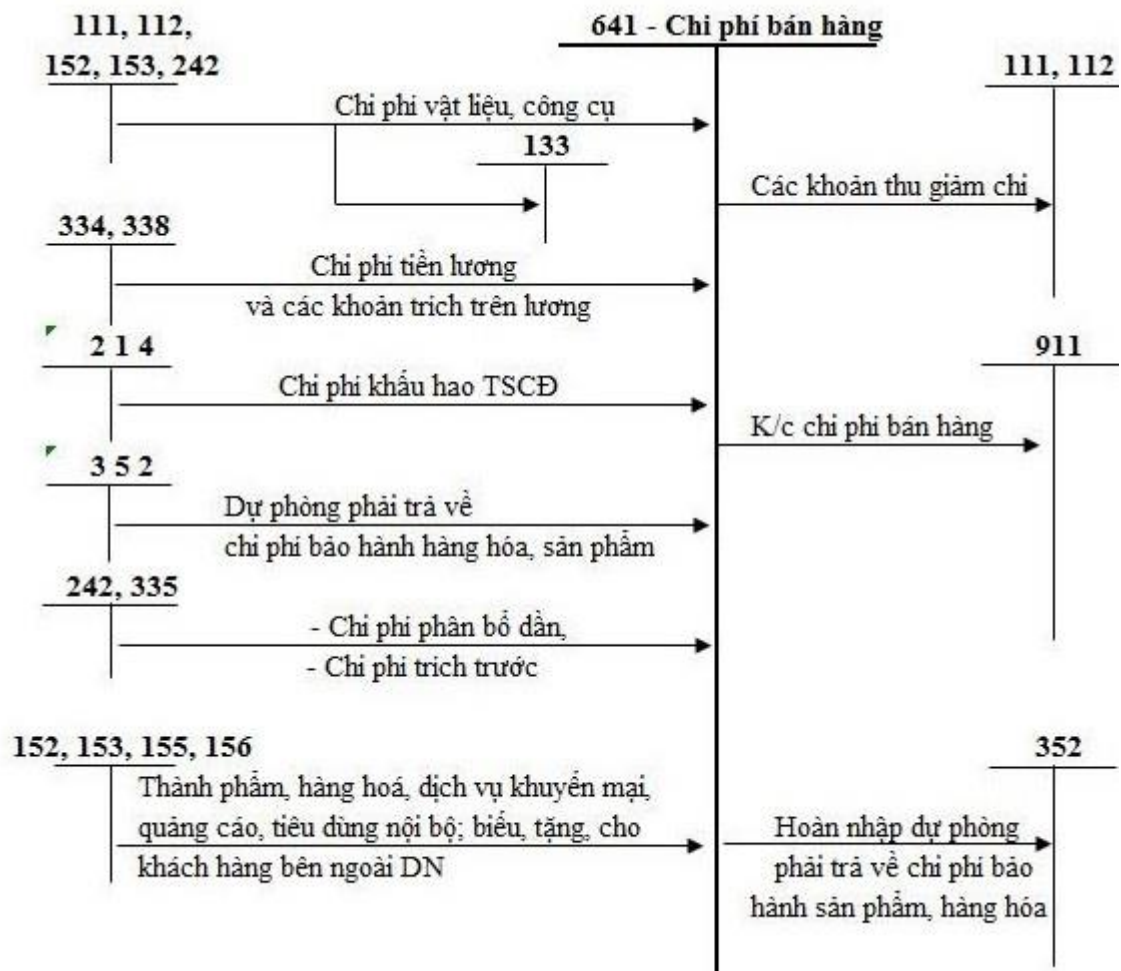
- Tài khoản 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6418 – Chi phí bằng tiền khác
- ❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí bán hàng, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hoá đơn của nhà cung cấp (hoá đơn chi phí vận chuyển hàng bán)
- Phiếu chi liên quan đến hoạt động bán hàng
- Bảng tính lương nhân viên bán hàng
- Phiếu xuất kho công cụ, dụng cụ sử dụng cho bộ phận bán hàng
- Bảng phân bổ khấu hao tài sản cố định

2.2.4.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán chi phí bán hàng theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ hạch toán TK 641

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.2.5 Kế toán quản lý doanh nghiệp

2.2.5.1 Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí biểu hiện bằng tiền của lao động vật hoá và lao động sống trực tiếp cho quá trình quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí khác liên quan đến hoạt động doanh nghiệp.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: tiền lương, các khoản phụ cấp phải trả cho ban giám đốc và nhân viên quản lý ở các phòng ban, chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng, khấu hao tài sản cố định dùng chung cho doanh nghiệp, các khoản thuê, lệ phí, bảo hiểm, trích trước quỹ trợ cấp mất việc làm,...

(Nguồn: Hệ thống tài khoản kế toán)

2.2.5.2 Nguyên tắc hạch toán

Tài khoản 642 được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí theo quy định. Tuy theo yêu cầu quản lý của từng ngành, từng doanh nghiệp, tài khoản 642 có thể được mở thêm các tài khoản cấp 2 để phản ánh các nội dung chi phí thuộc chi phí quản lý ở doanh nghiệp. Cuối kỳ, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào bên Nợ tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

2.2.5.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sử dụng Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp;- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp không có số dư cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
- Tài khoản 6422 – Chi phí vật liệu quản lý
- Tài khoản 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng
- Tài khoản 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ
- Tài khoản 6425 – Thuế, phí và lệ phí
- Tài khoản 6426 – Chi phí dự phòng
- Tài khoản 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Tài khoản 6428 – Chi phí bằng tiền khác

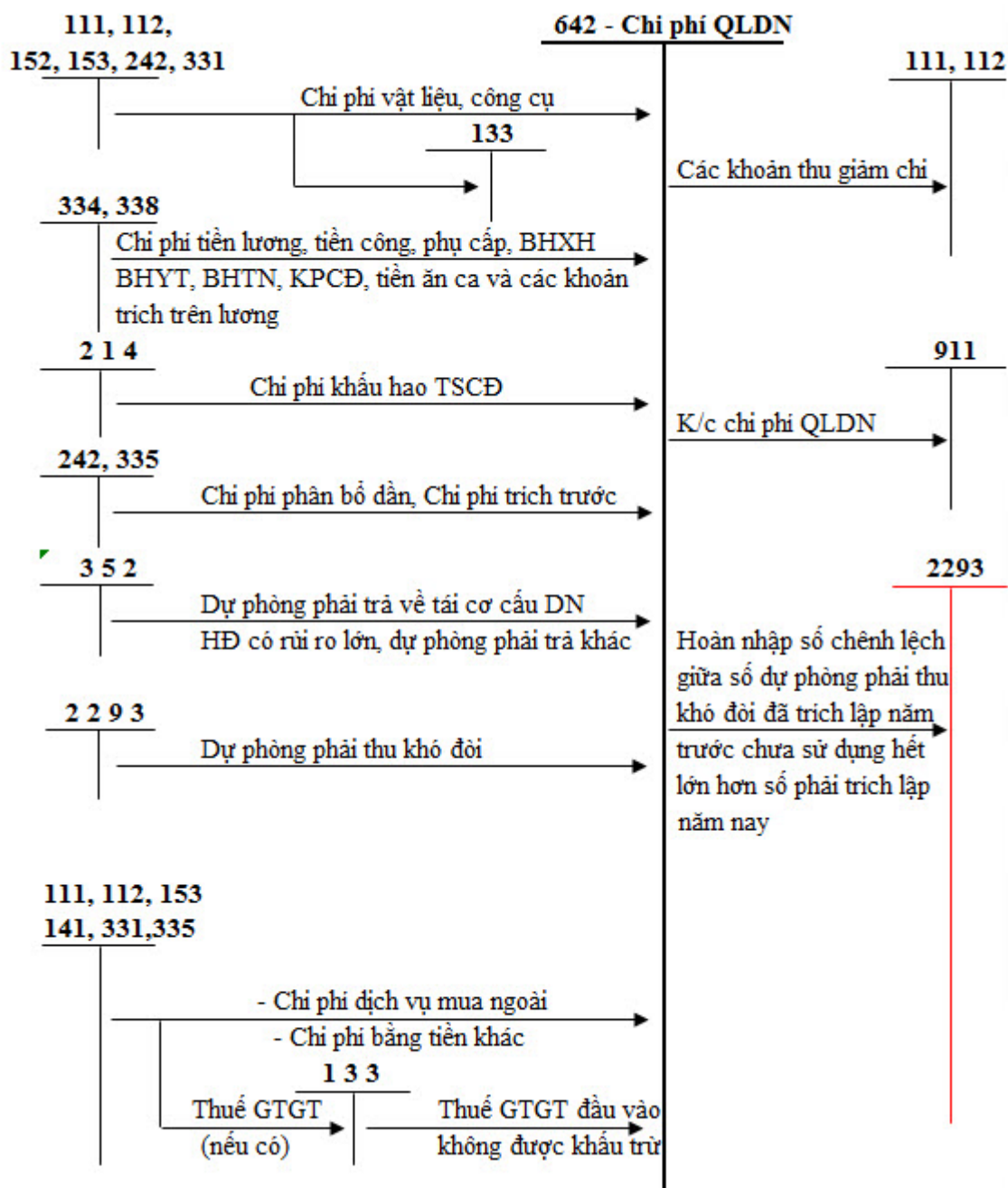
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí quản lý doanh nghiệp, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hoá đơn của nhà cung cấp (như hoá đơn chi phí vận chuyển bán hàng)
- Phiếu chi liên quan đến hoạt động quản lý doanh nghiệp
- Bản tính lương nhân viên quản lý
- Bảng phân khấu hao tài sản cố định
- Hoá đơn GTGT/ bán hàng các dịch vụ mua ngoài, Giấy báo Nợ

2.2.5.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.5: Sơ đồ hạch toán tài khoản 642

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.3 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

2.3.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

2.3.1.1 Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Nội dung của hoạt động tài chính gồm:

-
- Các khoản tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, ...
 - Thu nhập từ cho thuê: cho thuê tài sản, bằng sáng chế, nhãn hiệu thương mại, bản quyền tác giả, phần mềm vi tính,...
 - Cổ tức, lợi nhuận được chia,...
 - Thu nhập từ hoạt động đầu tư: mua, bán chứng khoán, góp vốn, ...
 - Thu nhập từ hoạt động đầu tư khác.
 - Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ; khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.
 - Chênh lệch lãi chuyển nhượng vốn.

(Nguồn: Điều 80 Thông tư 200/2014/TT-BTC)

2.3.1.2 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thoã mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.3.1.3 Nguyên tắc hạch toán

Doanh thu hoạt động tài chính được phản ánh trên tài khoản 515 bao gồm các khoản doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia và các hoạt động tài chính khác được coi là thực hiện trong kỳ, không phân biệt các khoản doanh thu đó thực tế đã thu được tiền hay sẽ thu được tiền.

Đối với các khoản doanh thu từ hoạt động mua, bán chứng khoán, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc, số lãi về trái phiếu, tín phiếu hoặc cổ phiếu.

Đối với khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch lãi giữa giá ngoại tệ bán và giá ngoại tệ mua vào.

Đối với khoản tiền lãi đầu tư nhận được từ khoản đầu tư cổ phiếu, trái phiếu thì chỉ có tiền lãi của các kỳ mà doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư nay mới được ghi nhận là doanh thu phát sinh trong kỳ, còn khoản lãi đầu tư nhận được từ các khoản

lãi đầu tư dồn tích trước khi doanh nghiệp mua lại khoản đầu tư đó giảm giá gốc: khoản đầu tư trái phiếu, cổ phiếu đó.

Đối với khoản thu nhập từ nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, doanh thu được ghi nhận vào TK 515 là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá gốc.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thoã mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế cao từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng.
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.3.1.4 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động doanh thu từ hoạt động tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2

❖ Chứng từ sử dụng

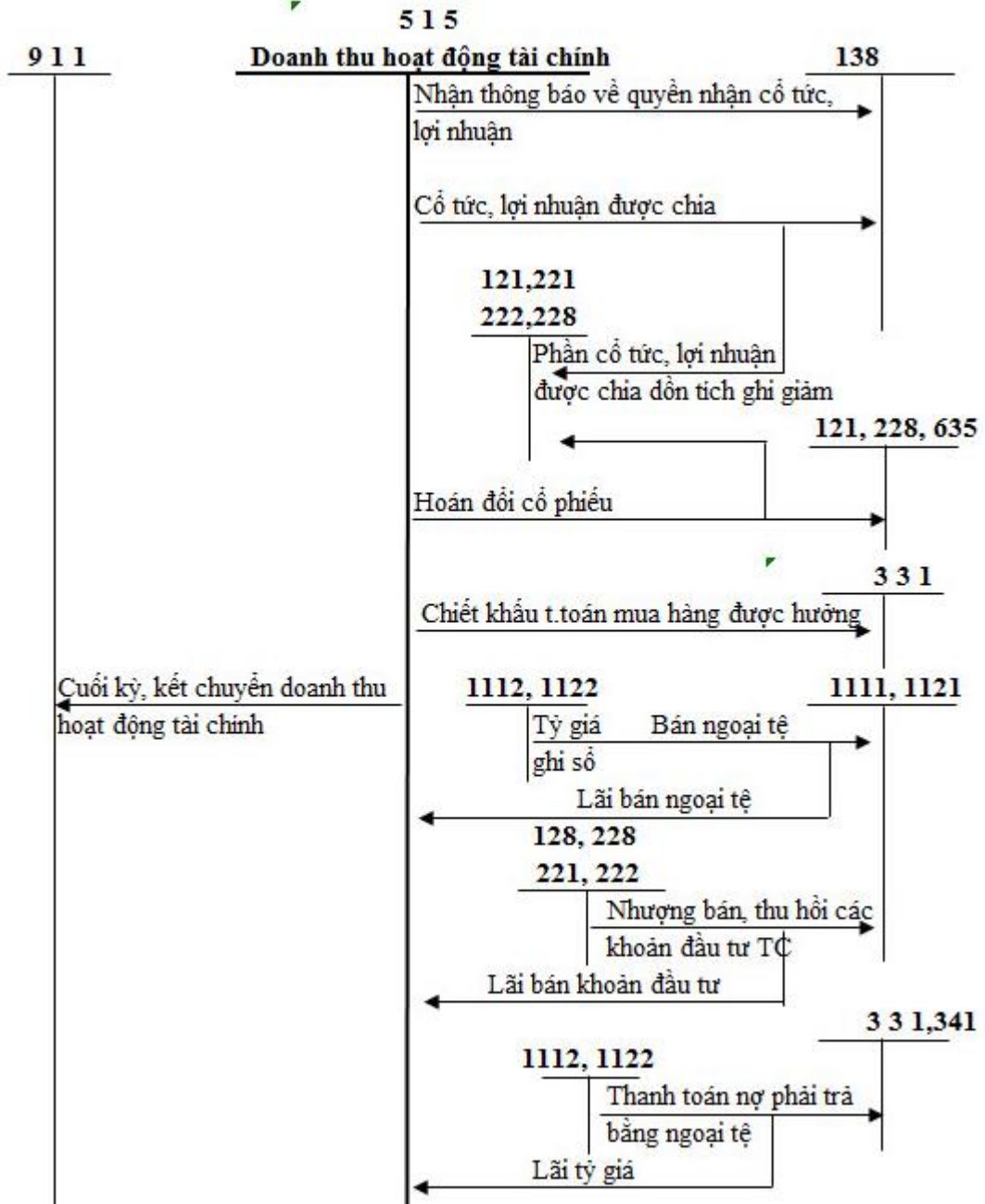
Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến Doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Giấy báo Có

- Phiếu thu
- Hoá đơn liên quan đến hoạt động tài chính

2.3.1.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán tài khoản 515 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ hạch toán tài khoản 515

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.3.2 Kế toán chi phí tài chính

2.3.2.1 Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái,...

(Nguồn: Điều 90 Thông tư 200/2015/TT-BTC)

2.3.2.2 Nguyên tắc hạch toán

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi (xem quy định chi tiết tại phần hướng dẫn tài khoản 343 - Trái phiếu phát hành).

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

2.3.2.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động của chi phí tài chính, kế toán sử dụng Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;- Lỗ bán ngoại tệ;- Chiết khấu thanh toán cho người mua;- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ;Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);- Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính;

<p>năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác. 	<p>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.</p>
--	---

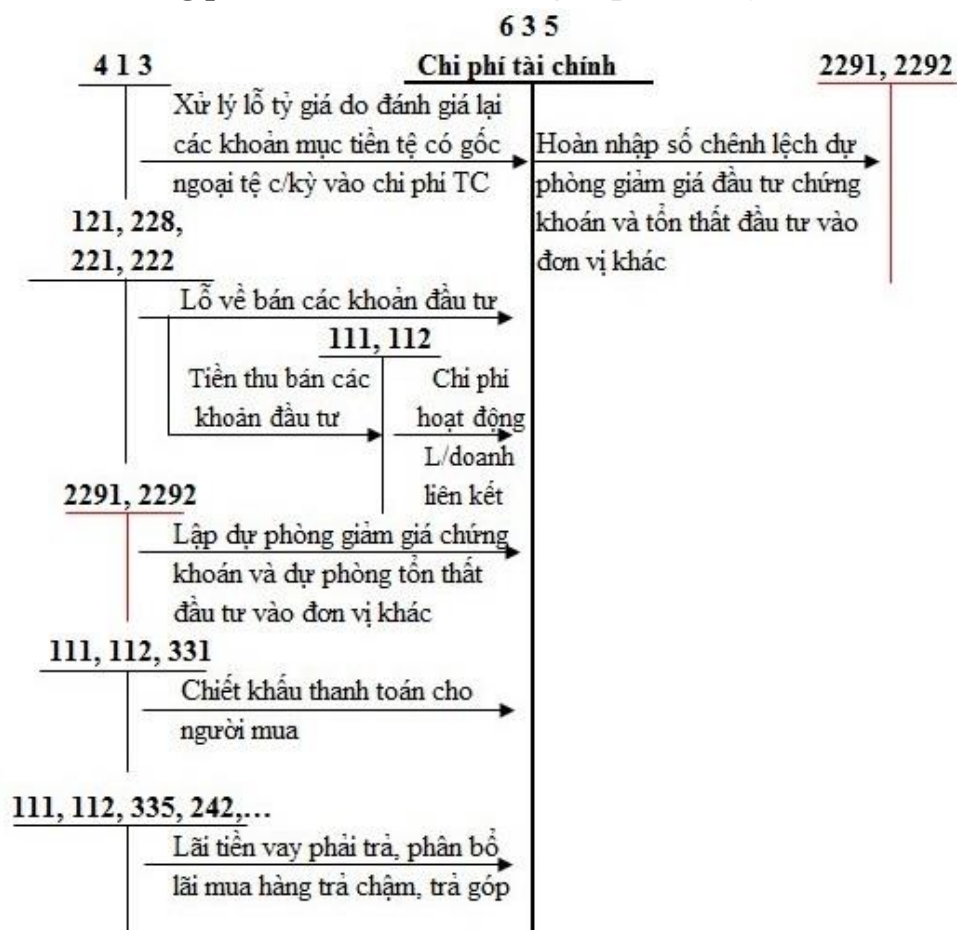
Tài khoản 635 – Chi phí tài chính không có số dư và không có tài khoản cấp 2

❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến chi phí tài chính, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Hoá đơn liên quan tới hoạt động tài chính

2.3.2.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ hạch toán TK 635

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.4 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KHÁC

2.4.1 Kế toán thu nhập khác

2.4.1.1 Khái niệm

Doanh thu khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như thu nhập do thanh lý, nhượng bán TSCĐ, thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng,...

(Nguồn: Chuẩn mực kế toán số 14 – Doanh thu và thu nhập khác)

2.4.1.2 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động thu nhập của hoạt động khác, kế toán sử dụng Tài khoản 711 – Thu nhập khác.

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 – Thu nhập khác không có số dư cuối kỳ và tài khoản cấp 2

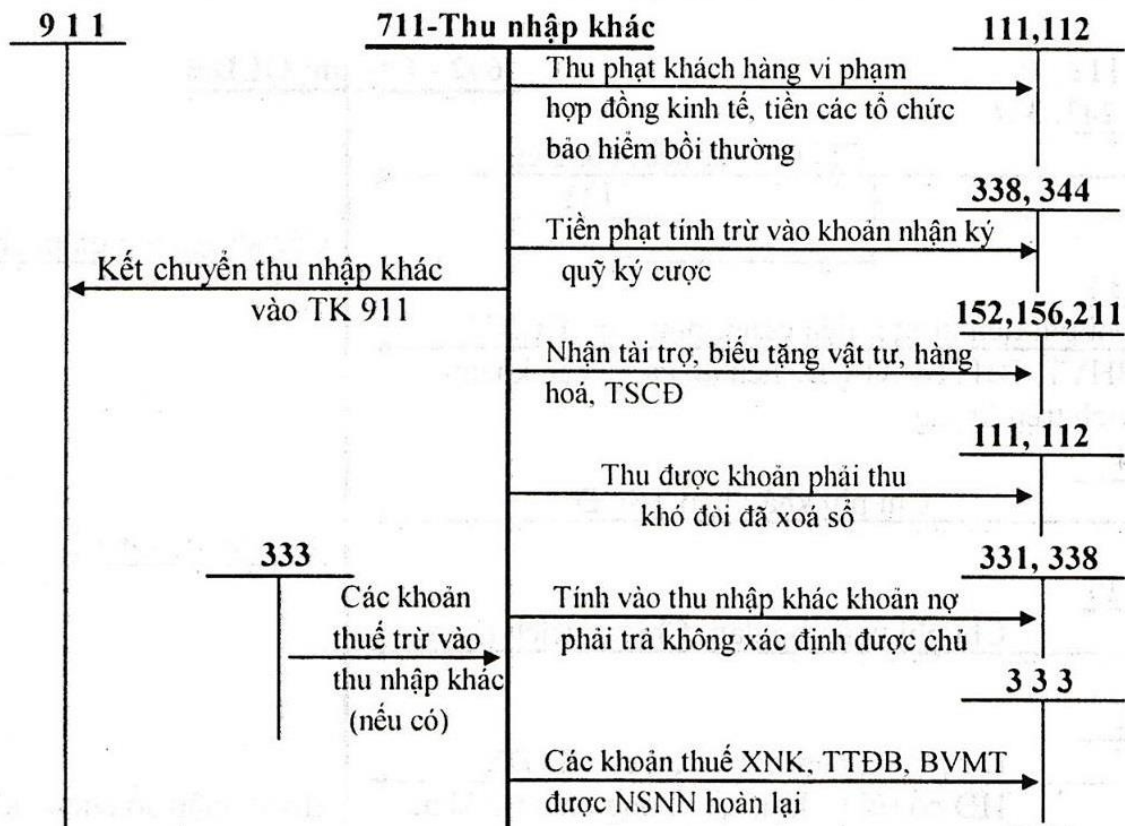
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế liên quan đến thu nhập khác, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hợp đồng bán hàng
- Hoá đơn
- Phiếu thu

2.4.1.3 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán TK 711 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.8: Sơ đồ hạch toán TK 711

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.4.2 Kế toán chi phí khác

2.4.2.1 Khái niệm

Chi phí khác là chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp như chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý nhượng bán,...

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.4.2.2 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động Chi phí khác, kế toán sử dụng Tài khoản 811 – Chi phí khác.

Tài khoản 811 – Chi phí khác	
Nợ	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh.	- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 811 – Chi phí khác không có số dư cuối kỳ và tài khoản cấp 2.

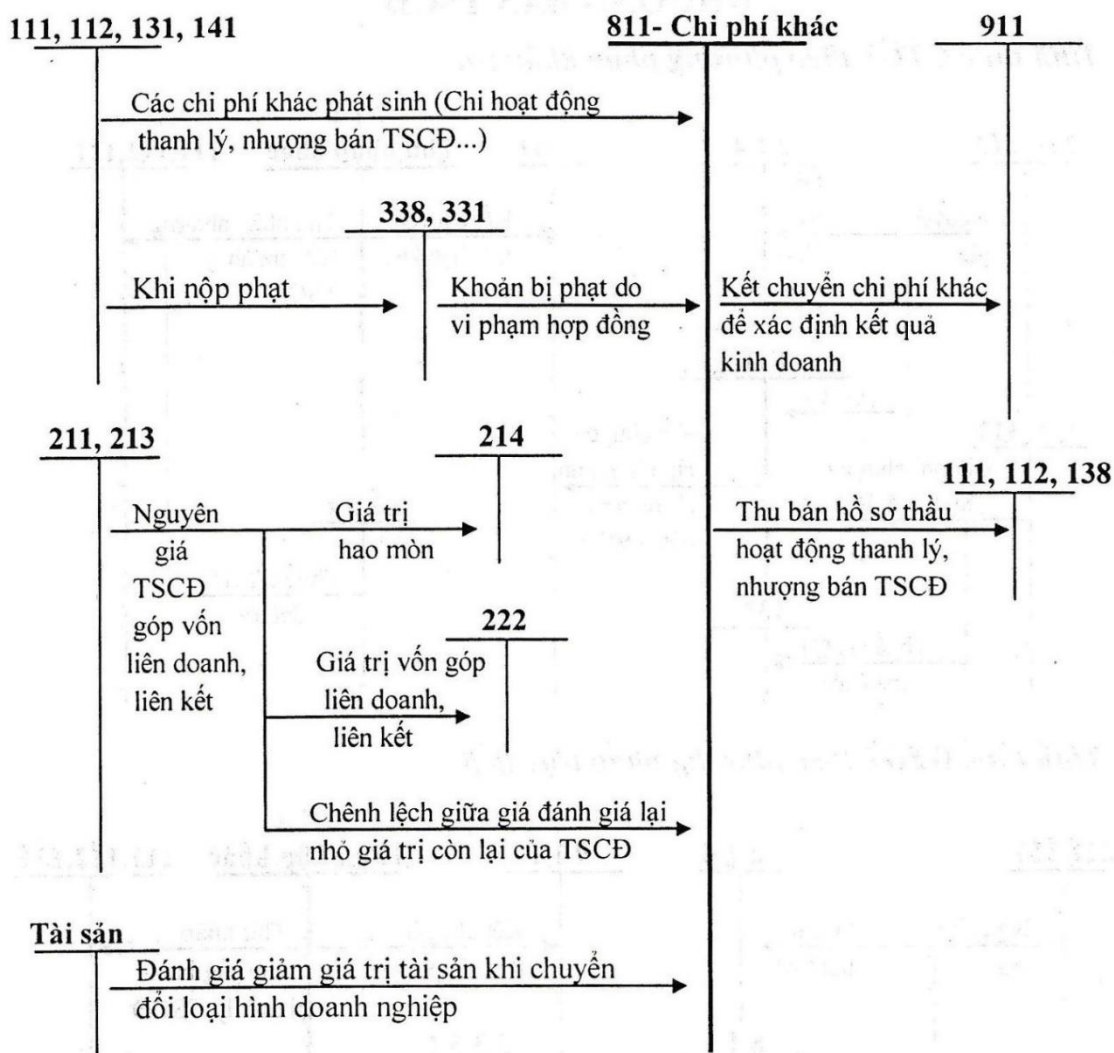
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến doanh thu khác, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Hoá đơn
- Phiếu chi
- Giấy nộp phạt
- Biên bản giao nhận, thanh lý TSCĐ

2.4.2.3 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán TK 811 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.9: Sơ đồ hạch toán tài khoản 811

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

2.5 KẾ TOÁN CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

2.5.1 Khái niệm

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong cả năm.
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

(Nguồn: Chuẩn mực kế toán số 17 - Thuế Thu nhập doanh nghiệp)

2.5.2 Nguyên tắc hạch toán

Hàng quý, kế toán căn cứ vào tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm phát hiện sai sót.

Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố theo quy định của Chuẩn mực kế toán – “Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót”.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh vào tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh” để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

2.5.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh tình hình biến động Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Nợ	Có
✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211)	✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (TK 8211)

<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm; - Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của năm hiện tại; ✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TK 8212) - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm); - Ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm); - Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 - “Xác định kết quả kinh doanh”. 	<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành đã ghi nhận trong năm; - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm hiện tại; - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm vào tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh; ✓ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (TK 8212) - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm); - Ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);
---	---

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại” phát sinh trong kỳ vào bên Nợ tài khoản 911 - Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

- Tài khoản 8211 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
- Tài khoản 8212 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

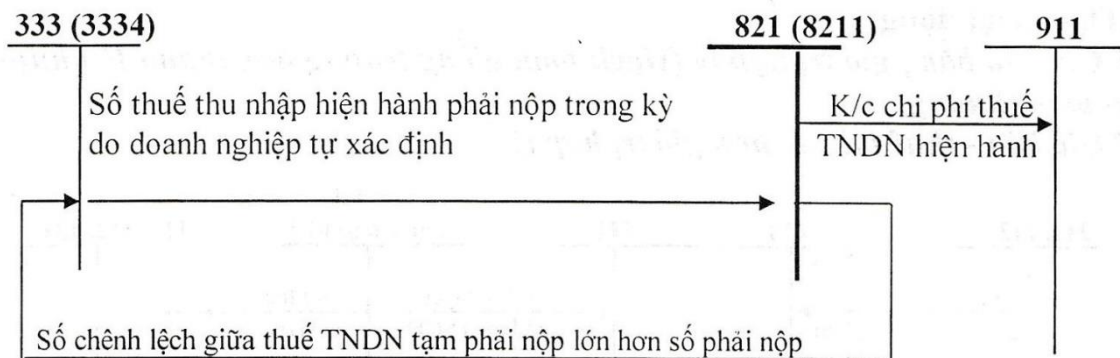
❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp, kế toán sử dụng các chứng từ sau đây:

- Tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý, quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cuối năm tài chính
- Phiếu chi nộp thuế TNDN
- Giấy báo Nợ

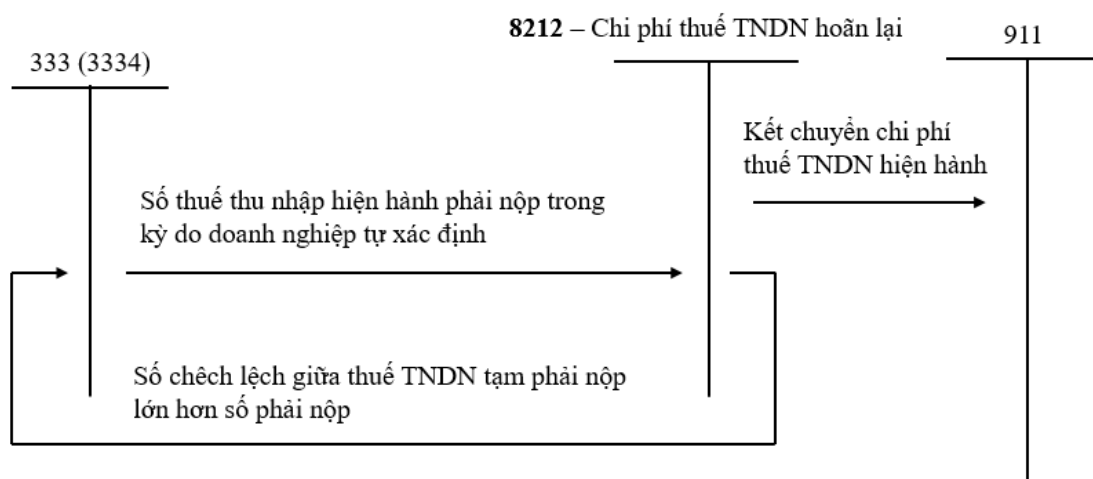
2.5.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán TK 8211 và TK 8212 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.10: Sơ đồ hạch toán TK 8211

(Nguồn: Tác giả tự tổng tổng hợp)



Sơ đồ 2.11: Sơ đồ hạch toán TK 8212

(Nguồn: Tác giả tự tổng tổng hợp)

2.6 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

2.6.1 Khái niệm

Kết quả kinh doanh là số lãi hoặc lỗ do các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mang lại trong một kỳ kế toán. Cuối mỗi kỳ kế toán xác định kết quả kinh doanh trong kỳ từ việc tổng hợp kết quả kinh doanh của hoạt động sản xuất kinh doanh cơ bản và kết quả kinh doanh của hoạt động khác.

Đặc điểm của xác định kết quả kinh doanh là thời điểm xác định kết quả kinh doanh phụ thuộc vào từng loại hình doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong từng ngành nghề. Thông thường các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh thương mại có thể xác định kết quả kinh doanh vào cuối mỗi tháng, hoặc quý, cuối năm.

Kết quả kinh hoạt động kinh doanh cũng tức là lợi nhuận của doanh nghiệp là khoản chênh lệch giữa doanh thu về so với các khoản chi phí đã bỏ ra, nói lên quy mô của kết quả và phản ánh một phần hiệu quả của hoạt động doanh nghiệp. Lợi nhuận là tiêu chí chất lượng tổng hợp phản ánh kết quả tài chính cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kết quả đó là điều kiện tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

Lợi nhuận là nguồn vốn cơ bản để tái sản xuất mở rộng toàn bộ nề kinh tế quốc dân và doanh nghiệp bởi vì lợi nhuận là nguồn hình thành nên thu nhập của ngân sách nhà nước thông qua chính sách thuế; đồng thời một bộ phận lợi nhuận được để lại thành lập các quỹ tạo điều kiện mở rộng sản xuất, nâng cao mức sống của người lao động và nâng cao phúc lợi xã hội.

Lợi nhuận là đòn bẩy kinh tế quan trọng có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị ra sức phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhiệm vụ kế toán xác định kết quả kinh doanh:

- Cung cấp số liệu cho việc lập Báo cáo
- Tính toán chính xác các kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động bất thường của doanh nghiệp.
- Phân tích kết quả của hoạt động trong doanh nghiệp qua từng thời điểm nhất định.

(Nguồn: Điều 96 Thông tư 200/2014/TT-BTC)

2.6.2 Nguyên tắc hạch toán

Phải phản ánh đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh phải được hạch toán chi tiết theo từng loại hoạt động (hoạt động sản xuất, chế biến, hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ, hoạt động tài chính...). Trong từng loại hoạt động kinh doanh có thể cần hạch toán chi tiết cho từng loại sản phẩm, từng ngành hàng, từng loại dịch vụ.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

2.6.3 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Nợ	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;- Kết chuyển lãi.	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh không có số dư cuối kỳ và không có tài khoản cấp 2.

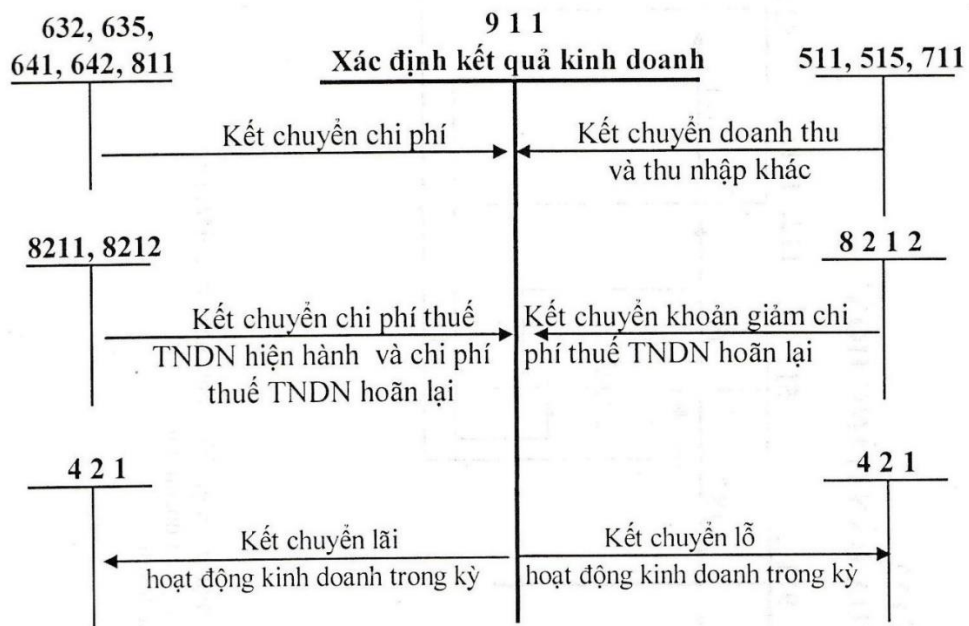
❖ Chứng từ sử dụng

Để xác định kết quả kinh doanh, kế toán sử dụng một số chứng từ sau:

- Chứng từ kết chuyển
- Phiếu kế toán
- Sổ cái
- Sổ chi tiết tài khoản
- Bảng tổng hợp chứng từ kết chuyển

2.6.4 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu

Ta hạch toán TK 911 theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2.12: Sơ đồ hạch toán TK 911

(Nguồn: Tác giả tự tổng hợp)

TÓM TẮT CHƯƠNG 2

Nội dung ở Chương 2 là trình bày về cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bao gồm: khái niệm, nguyên tắc hạch toán, tài khoản, chứng từ sử dụng và cách hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu. Bên cạnh đó, tác giả cũng tổng hợp và chọn lọc một cách có hệ thống những kiến thức về quy trình kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh nhằm tổng quan về cơ sở lý luận không bị khô khan và khó hiểu đối với người đọc.

Ở chương 3, tác giả sẽ nêu rõ và đi sâu vào thực trạng Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định Kết quả hoạt động kinh doanh ở Công ty Cổ phần PQC Convention. Tác giả sẽ đưa ra các con số chi tiết nhất về các khoản doanh thu, chi phí và lợi nhuận để người đọc có thể dễ dàng nắm bắt được tình hình hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION

3.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION

3.1.1 Nội dung

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Công ty PQC Convention lấy doanh thu chủ yếu từ việc cung cấp các dịch vụ hội nghị doanh nghiệp, tiệc cưới, tiệc cá nhân và các dịch vụ ăn uống cao cấp khác. Có hai hình thức thanh toán chính là tiền mặt và thanh toán bằng chuyển khoản ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động tài chính: phát sinh từ tiền lãi ngân hàng.

Chi phí: là toàn bộ các khoản phải chi về nguyên vật liệu, máy móc, công nhân viên,... mà doanh nghiệp đã phải chi để phục vụ cho quá trình hoạt động cung cấp dịch vụ tại công ty, bao gồm: Giá vốn bán hàng (bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Chi phí nhân công trực tiếp, Chi phí sản xuất chung); Chi phí bán hàng; Chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: là các khoản phải chi cho các thực phẩm tươi sống, đóng hộp hoặc đã qua chế biến để tạo nên thành phẩm là các món ăn phục vụ cho các hoạt động dịch vụ hội nghị.
- Chi phí nhân công trực tiếp: là khoản tiền lương phải trả cho các nhân viên trực tiếp chế biến, nấu các nguyên vật liệu để tạo nên các món ăn.
- Chi phí sản xuất chung: là các khoản phải chi trả cho các dụng cụ làm bếp, sửa chữa bảo trì máy móc chế biến, khấu hao các TSCĐ phục vụ cho nhà bếp, tiền điện, nước, ...
- Chi phí bán hàng: là toàn bộ các khoản phải chi liên quan đến việc cung cấp dịch vụ như: dịch vụ âm thanh, ánh sáng, sân khấu, trang trí, ...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: bao gồm các khoản phải chi cho các thiết bị sử dụng trong văn phòng như máy tính, máy photo, máy in, máy lọc nước, máy lạnh; các loại văn phòng phẩm... cũng như các dịch vụ phục vụ trong văn phòng như tiền cước điện thoại, internet, tiền điện, khấu hao TSCĐ, tiền lương nhân viên quản lý.

Kết quả kinh doanh: Kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần PQC Convention chủ yếu được lấy từ chênh lệch giữa giá bán cung cấp dịch vụ theo yêu cầu từng khách hàng so với giá vốn món ăn, chi phí dịch vụ (chi phí bán hàng) của từng tiệc, chi phí quản lý và các khoản chi phí thuế.

3.1.2 Vai trò

Có thể nói vai trò của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cực kỳ quan trọng và cần thiết trong bộ máy kế toán của một doanh nghiệp. Tại Công ty PQC Convention, bộ phận kế toán luôn phải theo dõi và lập báo cáo doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo từng tháng. Kế toán trưởng luôn phải giám sát tiến độ công việc của các kế toán phần hành khác, các báo cáo về doanh thu và chi phí sẽ được phê duyệt vào thứ 6 mỗi tuần. Báo cáo kết quả kinh doanh sẽ được lập theo từng tháng để phân tích các chỉ tiêu về doanh thu và chi phí, từ đó đưa ra các chỉ định nhằm cắt giảm chi phí, tăng doanh thu vào tháng sau.

Việc xác định kết quả hoạt động kinh doanh là cơ sở để lập nên Bảng Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh - một phần trong Bảng Báo Cáo Tài Chính của một doanh nghiệp. Mọi con số về doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp đều được thể hiện rõ ràng, cho thấy được rõ ràng kết quả cuối cùng của kế hoạch kinh doanh mà doanh nghiệp đã thực hiện. Nhờ vậy, doanh nghiệp sẽ nhìn nhận được những điểm mạnh và yếu trong hoạt động đầu tư, sản xuất thương mại; từ đó ban quản trị có thể đề ra được những chiến lược nhằm khắc phục điểm yếu và phát huy điểm mạnh, đưa lợi nhuận đạt mức tối đa nhất có thể.

Vai trò của người kế toán lúc này là phải hạch toán đầy đủ, cẩn thận, tránh xảy ra sai sót để có thể cung cấp những thông tin chính xác nhất cho ban quản trị nhằm giúp ban quản trị đưa ra được những phương hướng phù hợp với tình hình hiện tại của doanh nghiệp.

Người nhân viên kế toán cần đảm bảo rằng Báo cáo tài chính khi được trình bày với ban quản trị phải được đảm bảo đúng theo các nguyên tắc cơ bản như: tính nhất quán, tính liên tục, tính thận trọng, tính trọng yếu và tính phù hợp. Có như vậy, Báo cáo tài chính mới có đủ sự tin cậy để những đối tượng sử dụng Báo cáo tài chính lấy làm cơ sở đưa ra các quyết định như là: đầu tư, cho vay, triển khai kế hoạch hoạt động,...

➤ **Vì vậy, các phần hành trong bộ phận kế toán góp phần không nhỏ trong việc đưa những thông tin kế toán trở thành cơ sở để định hướng phát triển, đầu tư trong tương lai của doanh nghiệp.**

3.2 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG BÁN HÀNG

3.2.1 Kế toán hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ

3.2.1.1 Khái niệm

- Doanh thu của công ty Cổ phần PQC Convention chủ yếu tới từ việc cung cấp dịch vụ tổ chức hội nghị thường niên cho các doanh nghiệp, hội nghị tiệc cưới, các sự kiện mang tính giải trí lớn hoặc các hội nghị gặp gỡ mang tính chất riêng tư, bảo mật mà đối tượng sử dụng thường là các doanh nghiệp lớn, người của công chúng hoặc bất cứ ai có nhu cầu trải nghiệm dịch vụ cao cấp tầm cao mà Công ty mang lại.
- Phân khúc khách hàng cũng là một trong những yếu tố ảnh hưởng tới doanh thu của Công ty. Vì đối tượng khách hàng mà Công ty nhắm tới là đối tượng có nguồn thu nhập lớn hoặc các doanh nghiệp có quy mô lớn tầm cỡ quốc tế nên giá trị lợi ích kinh tế được mang lại là không hề nhỏ. Tuy nhiên, việc cung cấp loại hình dịch vụ đặc thù này cũng tùy thuộc rất lớn vào thời điểm mà nhu cầu của khách hàng tăng cao. Do đó, có thể nói, doanh thu của Công ty Cổ phần PQC Convention qua các quý là không đồng đều.

3.2.1.2 Phương thức bán hàng

Quá trình cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ phần PQC Convention gồm bảy bước như sau:

(1) Nhận yêu cầu báo giá

Nhân viên bán hàng (Sale) sẽ liên hệ báo giá cho khách hàng bằng 3 cách sau:

- Báo giá qua điện thoại.
- Báo giá qua thư điện tử hoặc mạng xã hội Facebook.
- Báo giá trực tiếp tại công ty bằng cách đặt hẹn với khách hàng.

(2) Theo dõi tình trạng (Inquiry)

- Sau khi đã báo giá với khách hàng, bộ phận Sale cập nhập tên khách hàng và ngày tháng báo giá lên phần mềm SAP và theo dõi tình trạng Inquiry hàng tuần.
- Liên tục liên hệ với khách hàng để nhận được thông báo khi:
 - Khách hàng không duyệt báo giá thì chuyển sang trạng thái Kết thúc và cập nhập vào Lost Report.
 - Khách hàng duyệt báo giá thì sẽ chuyển sang bước Xác nhận dịch vụ/ Hợp đồng giữ chỗ/ Hợp đồng hội nghị

(3) Quy trình Lost Report (báo giá không được duyệt)

- Liên hệ với khách hàng và tìm hiểu lý do báo giá không được duyệt (Lost)

-
- Nhập thông tin đã thu thập được vào Lost Report (Ngân sách, Hết sản phẩm yêu cầu, Đổi địa điểm,...)

(4) Xác nhận và ký Hợp đồng

- Sau khi khách hàng đã duyệt báo giá, nhân viên của bộ phận kinh doanh liên hệ khách hàng để xác nhận Đơn đặt hàng.
- Khách hàng sẽ xem xét và làm các thủ tục sau:
 - Ký xác nhận giữ chỗ trên Đơn đặt hàng
 - Đặt cọc giữ chỗ
- Sau khi Đơn đặt hàng đã được thông qua, quy trình ký Hợp đồng dịch vụ bao gồm:
 - Xác nhận sản phẩm, Menu, tiết mục giải trí (nếu có),... tùy theo gói dịch vụ mà khách hàng đã lựa chọn.
 - Thời hạn thanh toán các khoản còn lại
 - Quy định về phát sinh (Thay đổi thời gian, lượng khách, trang trí bổ sung đột xuất,...) sẽ được ký 07 ngày trước khi diễn ra sự kiện

(5) Quy trình xuất BEO (Banquet Event Order - Bảng kê)

- Sau khi tiến hành xong ký Hợp đồng dịch vụ, Bộ phận kinh doanh sẽ lên kế hoạch tổ chức sự kiện và đồng thời thường xuyên trao đổi với khách hàng để thống nhất kế hoạch (ít nhất hai tuần trước sự kiện).
- Các chi phí phát sinh về việc tổ chức sự kiện không được vượt quá ngân sách đã được thỏa thuận trước đó.

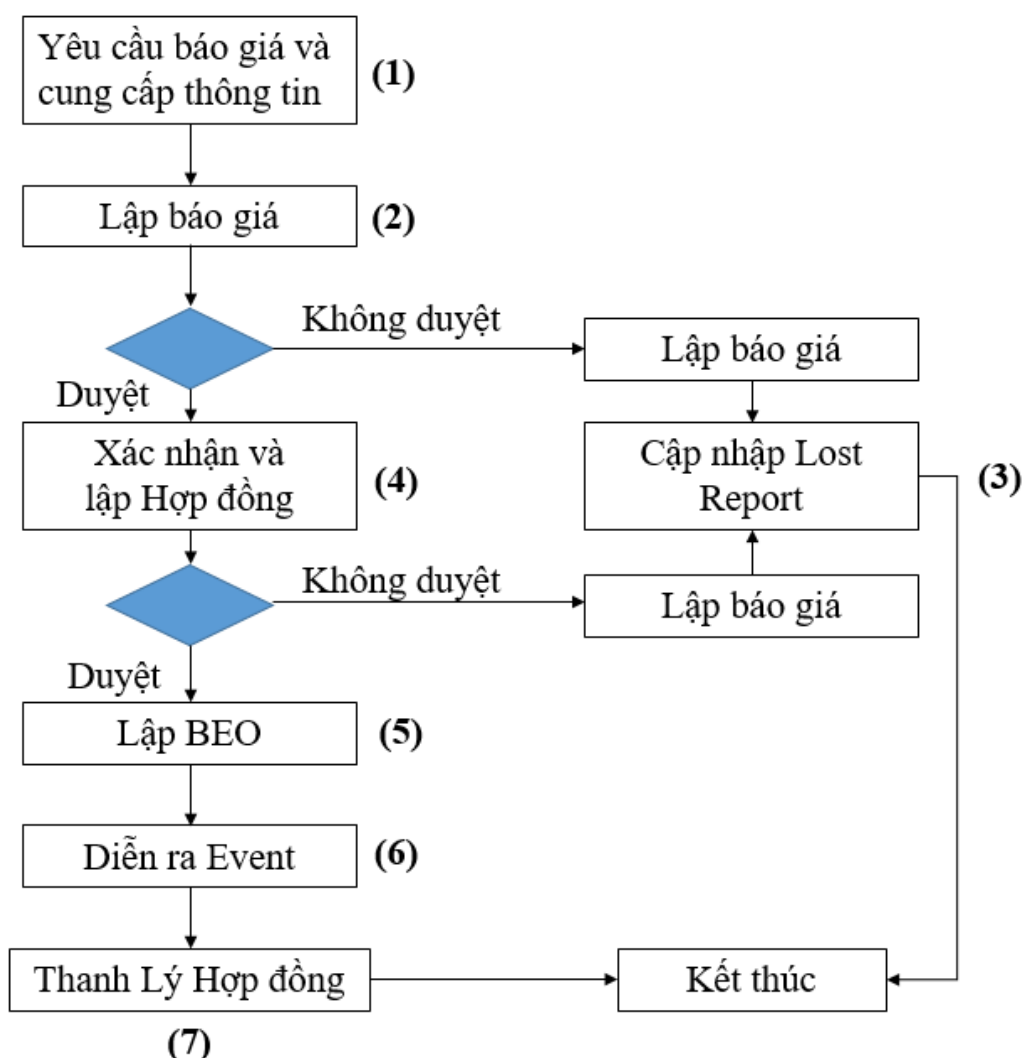
(6) Diễn ra sự kiện

(7) Thanh lý hợp đồng

- Sau khi sự kiện kết thúc trong vòng 3 ngày:
 - Kế toán gửi nhân viên bộ phận kinh doanh “Bảng kê” cuối sự kiện (Có xác nhận của khách hàng sau khi sự kiện kết thúc)
 - Nhân viên Sale có nhiệm vụ chuyển Bảng kê cuối sự kiện thành Biên bản thanh lý và gửi đến khách hàng trong vòng 24 giờ hành chính.
 - Sale có nhiệm vụ theo sát và nhắc nhở khách hàng xác nhận Biên bản thanh lý đã được gửi đi trong vòng 3-7 ngày.
- Sau khi khách hàng và Sale Admin cùng ký xác nhận, Biên bản thanh lý sẽ được chuyển về bộ phận Kế toán để kiểm tra.
- Sau khi bộ phận Kế toán đã kiểm tra, khách hàng sẽ được nhận bộ chứng từ gồm Hoá đơn, Biên bản thanh lý, Bảng kê.

- Khi bộ phận kế toán nhận được Hợp đồng dịch vụ đã được ký kết từ bộ phận Kinh doanh (Sale), kế toán có nhiệm vụ thực hiện xuất Hoá Đơn. Đồng thời ghi nhận bút toán ghi nhận doanh thu trên phần mềm SAP.
- Kế toán sẽ theo dõi và cập nhập công nợ sau mỗi 3 ngày.
- Sale có nhiệm vụ liên hệ và đẩy nhanh quá trình thanh toán với khách hàng theo thông báo cập nhập của kế toán,
- Nếu công nợ quá khó đòi, sau thời hạn thanh toán trên hợp đồng 3 ngày, bộ phận Kế toán sẽ chuyển hồ sơ công nợ qua Pháp lý thụ lý.

Quy trình cung cấp dịch vụ của Công ty Cổ Phần PQC Convention được thể hiện bằng sơ đồ sau:



Sơ đồ 3.1: Quy trình cung cấp dịch vụ

(Nguồn: Bộ phận Kinh doanh Công ty)

3.2.1.3 Nguyên tắc hạch toán

Công ty ghi nhận doanh thu theo các nguyên tắc sau:

- Chỉ phản ánh duy nhất nguồn doanh thu chính tới từ việc cung cấp dịch vụ cho khách hàng đã được đăng ký trên giấy phép kinh doanh.
- Khoản doanh thu được ghi nhận phải kèm theo khoản chi phí đi kèm với doanh thu đó (chi phí trang trí, ban nhạc, nguyên vật liệu món ăn,...)
- Doanh thu được ghi nhận trên phần mềm SAP có thể thấp hơn so với số tiền thoả thuận trên Hợp đồng do các khoản chiết khấu cho khách VIP, các khoản bồi thường do dịch vụ chưa đúng với yêu cầu của khách hàng,...
- Các khoản chiết khấu, bồi thường, chi phí phát sinh,... phải được hạch toán riêng.

3.2.1.4 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh tình hình biến động, tăng giảm của doanh thu, Công ty sử dụng các tài khoản sau đây:

- Tài khoản cấp 1: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.
- Tài khoản cấp 2:
 - Tài khoản 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm
 - Tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ
 - Tài khoản 5117 – Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

❖ Chứng từ sử dụng:

Để theo dõi tình hình doanh thu phát sinh trong kỳ, kế toán sử dụng các loại chứng từ và sổ sách sau:

- Hợp đồng dịch vụ
- Đơn đặt hàng
- Hoá đơn GTGT
- Bảng kê bán hàng
- Sổ Nhật ký chung, Sổ cái Tài khoản 511

3.2.1.5 Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Nghiệp vụ 1: Ngày 28/10/2019, thanh lý Hợp đồng được ký ngày 04/10/2019 để thu tiền tổ chức sự kiện, thuế GTGT 10%, kế toán xuất hoá đơn số 0004653, khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản ngân hàng, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 112: 471.240.000

Có TK 5113: 428.400.000

Có TK 33311: 42.840.000

(Phụ lục 1: Hoá đơn GTGT số 0004653)

Nghiệp vụ 2: Ngày 19/11/2019, ghi nhận doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ ăn uống cho Công ty Cổ phần Xây Lắp Thủy Sản II, thuế GTGT 10%, công ty đã thanh toán bằng chuyển khoản, kế toán xuất hoá đơn số 0004658, hạch toán như sau:

Nợ TK 112: 159.070.527

Có TK 5113: 144.609.570

Có TK 33311: 14.460.957

(Phụ lục 2: Hoá đơn GTGT số 0004658)

Nghiệp vụ 3: Ngày 15/12/2019, kế toán ghi nhận doanh thu từ việc cung cấp dịch vụ tổ chức sự kiện cho Công ty TNHH Promo Tec Việt Nam, thuế GTGT 10%, kế toán xuất hoá đơn số 0005004, khách hàng đã thanh toán bằng chuyển khoản, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 112: 55.992.200

Có TK 5113: 50.902.000

Có TK 33311: 5.090.200

(Phụ lục 3: Hoá đơn GTGT số 0005004)

→ Cuối quý, kế toán kết chuyển Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 4.663.529.704

Có TK 5113: 3.785.984.778

Có TK 5117: 877.544.926

3.2.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Trong quý 4 năm 2019, Công ty không có nghiệp vụ phát sinh nào liên quan đến TK này.

3.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán

3.2.3.1 Khái niệm

Giá vốn hàng bán của Công ty Cổ phần PQC Convention tổng chi phí của các sản phẩm, hàng hoá để tạo thành phẩm là gói dịch vụ mà công ty cung cấp bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Các chi phí cụ thể như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bao gồm chi phí để mua thực phẩm tươi sống hoặc thực phẩm đóng hộp, hoa tươi trang trí, vận chuyển nguyên vật liệu...
- Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản chi lương và trích lương cho đầu bếp, nhân viên phục vụ, quản lý sự kiện,...
- Chi phí sản xuất chung bao gồm các chi phí mua sắm, bảo trì các loại máy móc được sử dụng trong sự kiện, chi phí điện, nước, chi phí khấu hao TSCĐ,...

Các nguyên vật liệu sẽ do một công ty con của tập đoàn PQC Convention đảm nhiệm việc tìm hiểu nguồn nguyên liệu, so sánh giá trên thị trường, mua, lập bảng giá và gửi về phòng kế toán để kết chuyển chi phí NVLTT.

❖ Phương pháp phân bổ chi phí để tính giá vốn hàng bán (món ăn)

- Bộ phận nhà bếp sẽ cung cấp bảng định lượng nguyên vật liệu để tạo thành thực đơn tính theo đơn vị gam/người của từng món ăn. Kế toán sẽ nhập dữ liệu đó lên phần mềm SAP để tạo thành BOM – (Bill of Material – Đơn giá nguyên vật liệu) cho từng món ăn.
- Khi đã có thực đơn và số lượng khách của từng hội nghị, kế toán sẽ thực hiện thao tác “sản xuất” (Production) trên phần mềm SAP để tính tổng định lượng nguyên vật liệu cần dùng trong một hội nghị.
- Tổng định lượng nguyên vật liệu sẽ được tính theo giá mua nguyên vật liệu trước đó 1-2 ngày tùy loại .

3.2.3.2 Phương pháp tính giá xuất kho

Phương pháp tính giá xuất kho nguyên vật liệu để làm ra món ăn là phương pháp bình quân gia quyền. Đơn giá xuất kho được tính như sau:

Đơn giá xuất kho bình quân trong kỳ của 1 loại nguyên vật liệu	=	$\frac{\text{Giá trị hàng tồn đầu kỳ} + \text{Giá trị nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng nhập trong kỳ}}$
--	---	---

3.2.3.3 Nguyên tắc hạch toán

Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán theo các nguyên tắc sau:

- Phản ánh đúng giá trị vốn của dịch vụ mà công ty cần phải cung cấp trong kỳ.
- Các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (621), chi phí nhân công trực tiếp (622), chi phí sản xuất chung (627) đều phải kết chuyển qua chi phí sản xuất dở dang (154).
- Lượng hao hụt nguyên vật liệu kế toán tính vào giá vốn hàng bán.

3.2.3.4 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh giá vốn hàng bán và các chi phí trực tiếp, Công ty sử dụng các tài khoản sau:

- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 621 – Chi phí sản xuất chung
- Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp

-
- Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung
 - Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang

❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi và ghi nhận chi phí liên quan đến giá vốn và các chi phí phát sinh, Công ty sử dụng các loại chứng từ và sổ sách sau:

- Phiếu nhập kho
- Hoá đơn GTGT
- Sổ cái tài khoản 632, 621, 622, 627, 154

3.2.3.5 Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu.

Nghiệp vụ 1: Theo HĐ số HN/191208/001 được ký ngày 08/10/2019, các chi phí liên quan đến giá vốn hàng bán được ghi nhận như sau:

- Xuất nguyên vật liệu cho nhà bếp 50.986.320 đồng. Trong đó:
 - Mua tôm hùm sống, thanh toán bằng tiền mặt cho chợ nông sản (Phiếu chi số 07139): 27.543.500 đồng
 - Mua thịt bò Mỹ nhập khẩu, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng cho cửa hàng nhập khẩu: 10.433.234 đồng
 - Các nguyên vật liệu còn lại được xuất từ kho.
- Phân bổ tiền lương bếp trưởng, phụ bếp, nhân viên phục vụ theo tiệc 17.564.099 đồng. Trong đó:
 - Lương bếp trưởng, phụ bếp: 2.314.099 đồng
 - Lương nhân viên phục vụ theo tiệc trả bằng tiền mặt: 15.250.000 đồng
- Phân bổ chi phí bảo trì, điện, nước, mua dụng cụ nhà bếp 35.525.000 đồng. Trong đó:
 - Bảo trì lò nướng trả bằng chuyển khoản ngân hàng: 12.200.000 đồng
 - Sửa chữa sàn Polute, chưa thanh toán: 18.400.000 đồng
 - Mua dụng cụ nhà bếp, trả bằng tiền mặt : 4.925.000 đồng

Kế toán hạch toán như sau:

❖ Mua, xuất nguyên liệu cho nhà bếp:

Nợ 621: 50.986.320
 Có 111: 27.543.500
 Có 112: 10.433.234
 Có 152: 13.009.586

❖ Lương đầu bếp, nhân viên phục vụ:

Nợ 622: 17.564.099
 Có 111: 2.314.099
 Có 334: 15.250.000

❖ Chi phí sản xuất chung:

Nợ TK 627: 35.525.000
Có TK 111: 4.925.000
Có TK 112: 12.200.000
Có TK 331: 18.400.000

❖ Cuối quý, Kế toán kết chuyển các chi phí sang TK 154:

Nợ TK 154: 99.450.743
Có TK 621: 50.986.320
Có TK 622: 25.564.099
Có TK 627: 22.900.324

❖ Kết chuyển TK 154 sang TK 632:

Nợ TK 632: 99.450.743
Có TK 154: 99.450.743

Nghiệp vụ 2: Theo HĐ số HN/191215/002 được ký ngày 10/12/2019, các chi phí liên quan đến giá vốn hàng bán được ghi nhận như sau:

- Chi phí nguyên vật liệu nấu ăn xuất từ kho là 8.224.389 đồng
- Tiền lương bếp trưởng, bếp phó và nhân viên phục vụ là 5.342.577 đồng. Trong đó:
 - Tiền lương bếp trưởng, bếp phó: 3.354.577 đồng
 - Nhân viên phục vụ trả bằng tiền mặt: 1.970.000 đồng
- Tiền thay bình ga trong nhà bếp là 4.242.654 đồng, trả bằng tiền mặt.

Kế toán hạch toán như sau:

❖ Chi phí nguyên vật liệu:

Nợ TK 621: 8.224.389
Có TK 152: 8.224.389

❖ Tiền lương bếp trưởng, bếp phó và nhân viên phục vụ:

Nợ TK 622: 5.342.577
Có TK 111: 1.970.000
Có TK 334: 3.354.577

❖ Tiền điện, nước, sửa chữa thiết bị nhà bếp:

Nợ TK 627: 4.242.654
Có TK 111: 4.242.654

❖ Cuối quý, kế toán kết chuyển các chi phí sang TK 154:

Nợ TK 154: 17.809.620
Có TK 621: 8.224.389
Có TK 622: 5.342.577

Có TK 627: 4.242.654

❖ Kết chuyển TK 154 sang TK 632:

Nợ TK 632: 17.809.620

Có TK 154: 17.809.620

➔ Trong quý 4, tổng chi phí mà Công ty đã ghi nhận từ các Hợp đồng cung cấp dịch vụ được tổng hợp lại như sau:

- Tổng chi phí nguyên vật liệu cần dùng là 923.320.773 đồng.
- Tổng chi phí nhân công trực tiếp là 749.651.182 đồng.
- Tổng chi phí sản xuất chung là 200.105.599 đồng.

Kế toán hạch toán như sau:

❖ Kết chuyển TK 621, 622, 627 sang TK 154:

Nợ TK 154: 1.873.077.554

Có TK 621: 923.320.773

Có TK 622: 749.651.182

Có TK 627: 200.105.599

❖ Kết chuyển TK 154 sang 632 quý 4 năm 2019:

Nợ TK 632: 1.873.077.554

Có TK 154: 1.873.077.554

❖ Cuối quý, kế toán kết chuyển giá vốn bán hàng sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Nợ TK 911: 1.873.077.554

Có TK 632: 1.873.077.554

3.2.4 Kế toán chi phí bán hàng

3.2.4.1 Khái niệm

Chi phí bán hàng của Công ty PQC Convention là các khoản chi cho việc bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty như: dịch vụ âm thanh, ánh sáng, sân khấu sự kiện, đoàn múa giải trí, MC dẫn chương trình, phục vụ theo giờ, nhân viên vệ sinh,...

3.2.4.2 Tài khoản và chứng từ sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng:

Để phản ánh chi phí bán hàng, Công ty sử dụng những tài khoản sau:

- Tài khoản cấp 1: 641 – Chi phí bán hàng
- Tài khoản cấp 2:
 - TK 6411 – Chi phí lương nhân viên
 - TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
 - TK 6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ

-
- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài

❖ Chứng từ sử dụng:

Để theo dõi và ghi nhận chi phí bán hàng, Công ty sử dụng những chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi

3.2.4.3 Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Nghiệp vụ 1: Ngày 17/10/2019, kế toán xuất Phiếu chi thanh toán chi phí tiếp khách, thanh toán bằng tiền mặt, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6411: 2.390.000

Có TK 111: 2.390.000

(Phụ lục 4: Phiếu Chi)

Nghiệp vụ 2: Ngày 19/12/2019, căn cứ theo Giấy báo nợ của ngân hàng về việc thanh toán chi phí may trang phục cho sự kiện theo Hợp đồng số HĐ/197/0712 ký ngày 07/12/2019, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6417: 46.750.000

Có TK 112: 46.750.000

➔ Cuối quý, kế toán kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 111.490.088

Có TK 641: 111.490.088

3.2.5 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

3.2.5.1 Khái niệm

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty Cổ phần PQC Convention chủ yếu là từ: chi phí mua văn phòng phẩm, thiết bị sử dụng tại văn phòng, cước phí Internet, tiền điện, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí lương nhân viên quản lý,...

3.2.5.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh chi phí Quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng những tài khoản sau:

- Tài khoản cấp 1: TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Tài khoản cấp 2:
 - TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422 – Chi phí nguyên vật liệu quản lý
 - TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác

❖ Chứng từ sử dụng

Để theo dõi và ghi nhận chi phí Quản lý doanh nghiệp, Công ty sử dụng những chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ

3.2.5.3 Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Nghiệp vụ 1: Ngày 04/10/2019, kế toán xuất phiếu chi thanh toán cho chi phí tư vấn thuế tháng 10/2019, thanh toán bằng tiền mặt, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6427: 4.000.000

Có TK 111: 4.000.000

(Phụ lục 5: Phiếu chi)

Nghiệp vụ 2: Ngày 10/10/2019, căn cứ vào Giấy báo nợ về việc thanh toán tiền mua dụng cụ văn phòng phẩm, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 6428: 4.235.000

Có TK 112: 4.235.000

- Cuối quý, kế toán kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 565.604.814

Có TK 642: 565.604.814

3.3 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

3.3.1 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

3.3.1.1 Khái niệm

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần PQC Convention chủ yếu đến từ tiền lãi ngân hàng. Đây là khoản tiền nhàn rỗi của Công ty được sử dụng khi phát sinh các rủi ro đến từ khách hàng, nhà cung cấp, các yếu tố khách quan mà Công ty không lường trước được.

3.3.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để ghi nhận Doanh thu từ hoạt động tài chính, Công ty sử dụng:

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

Để ghi nhận Doanh thu từ hoạt động tài chính, Công ty dựa vào những chứng từ sau:

- Giấy báo Có
- Sổ phụ ngân hàng

3.3.1.3 Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Nghiệp vụ 1: Ngày 31/10/2019, Ngân hàng Sacombank gửi Giấy báo Có thông báo tiền lãi nhận được là 75.871 đồng, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 112: 75.871

Có TK 515: 75.871

(Phụ lục 6: Giấy báo nợ số 060067763583)

Nghiệp vụ 2: Ngày 30/11/2019, Ngân hàng Vietcombank gửi Giấy báo Có thông báo tiền lãi nhận được là 115.333 đồng, kế toán ghi nhận như sau:

Nợ TK 112: 115.333

Có TK 515: 115.333

→ Cuối quý, kế toán kết chuyển Doanh thu hoạt động tài chính sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 515: 1.865.802

Có TK 911: 1.865.802

3.3.2 Kế toán chi phí tài chính

Trong quý 4 năm 2019, Công ty Cổ phần PQC Convention không có nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tài khoản này.

3.4 KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KHÁC

3.4.1 Kế toán thu nhập khác

3.4.1.1 Khái niệm

Thu nhập khác của Công ty Cổ phần PQC Convention chủ yếu là gồm các khoản doanh thu ngoài hoạt động cung cấp dịch vụ hội nghị như: thu nhập từ tiền phạt vi phạm hợp đồng của khách hàng, thanh lý TSCĐ, bán phế liệu,...

3.4.1.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh Doanh thu khác, Công ty sử dụng:

Tài khoản 711 – Thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

Để ghi nhận Doanh thu khác, Công ty dựa vào những chứng từ sau:

- Hoá đơn GTGT
- Biên bản phạt vi phạm hợp đồng
- Phiếu thu

3.4.1.3 Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Nghiệp vụ 1: Ngày 07/10/2019, Kế toán lập Phiếu thu ghi nhận khoản tiền bồi thường do làm mất bộ đàm của nhân viên Bộ phận Kinh doanh, thu bằng tiền mặt 1.078.000, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 111: 1.078.000

Có TK 711: 1.078.000

(Phụ lục 7: Phiếu thu)

Nghiệp vụ 2: Ngày 27/11/2019, Kế toán lập Phiếu thu ghi nhận về khoản tiền tip của khách hàng VIP, số tiền 2.000.000 đồng, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 111: 2.000.000

Có TK 711: 2.000.000

→ Cuối quý, kế toán kết chuyển Doanh thu khác sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 8.520.200

Có TK 711: 8.520.200

3.4.2 Kế toán chi phí khác

3.4.2.1 Khái niệm

Chi phí khác tại Công ty Cổ phần PQC Convention chủ yếu phát sinh từ các hoạt động ngoài hoạt động bán hàng, quản lý và tài chính như: chi phí thanh lý, giá trị còn lại của tài sản thanh lý, tiền phạt,...

3.4.2.2 Chứng từ và tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản sử dụng

Để phản ánh Chi phí khác, Công ty sử dụng:

Tài khoản 811 – Chi phí khác

❖ Chứng từ sử dụng:

Để theo dõi và ghi nhận Chi phí khác, Công ty sử dụng các chứng từ sau:

- Biên bản vi phạm hành chính
- Biên lai thu tiền phạt
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Phiếu chi

3.4.2.3 Một số nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Nghiệp vụ 1: Ngày 11/10/2019, Kế toán xuất Phiếu chi số 03005 để thanh toán tiền phạt do thanh toán chậm đơn mua hoa quả tươi của Cửa hàng trái cây chú Hùng, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 811: 1.000.000

Có TK 111: 1.000.000

(Phụ lục 8: Phiếu Chi số 03005)

Nghiệp vụ 2: Ngày 27/11/2019, căn cứ vào Giấy báo nợ về việc đã chuyển khoản thanh toán tiền phạt nộp thuế TNCN chậm 1,350,007 đồng, kế toán hạch toán như sau:

Nợ TK 811: 1.350.007

Có TK 112: 1.350.007

(Hình 2.9: Giấy báo Nợ số TT1112402691\QNF)

→ Cuối quý, kế toán kết chuyển Chi phí khác sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: 20.530.250

Có TK 811: 20.530.250

3.5 KẾ TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

3.5.1 Khái niệm

Thuế TNDN hiện hành là khoản thuế mà doanh nghiệp phải nộp cho Nhà nước tính trên kết quả thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Cách tính thuế TNDN theo quý:

- **Lợi nhuận kế toán trước thuế** = 2.103.213.000
- **Thu nhập chịu thuế** = **Lợi nhuận kế toán trước thuế** + **Các khoản phát sinh tăng** – **Các khoản phát sinh giảm**
= 2.103.213.000 + 0 – 0 = 2.103.213.000 (vì trong quý công ty không phát sinh các khoản làm tăng cũng như làm giảm thu nhập chịu thuế)
- **Thu nhập tính thuế** = **Thu nhập chịu thuế** - (**Thu nhập được miễn thuế** + **Các khoản lỗ được kết chuyển**)
= 2.103.213.000 – (0+0) = 2.103.213.000
- **Thuế TNDN phải nộp** = **Thu nhập tính thuế** x **Thuế suất thuế TNDN hiện hành**
= 2.103.213.000 x 20% = 420.642.600

3.5.2 Chứng từ sử dụng

Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN)

3.5.3 Tài khoản sử dụng

Để phản ánh Chi phí thuế TNDN, Công ty sử dụng các Tài khoản sau:

- Tài khoản 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành
- Tài khoản 3334 – Thuế TNDN

3.5.4 Nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Cuối quý, kế toán hạch toán chi phí thuế TNDN như sau:

Nợ TK 821: 420.642.600

Có TK 3334: 420.642.600

Lợi nhuận sau thuế TNDN = Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế - Thuế TNDN
 $= 2.103.213.000 - 420.642.600 = 1.682.570.400$

Kết chuyển lợi nhuận sau thuế:

Nợ TK 911: 1.682.570.400

Có TK 421: 1.682.570.400

3.6 KẾ TOÁN XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3.6.1 Khái niệm

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần PQC Convention là kết quả từ hoạt động cung cấp dịch vụ hội nghị, hoạt động tài chính và hoạt động khác. Trong đó, hoạt động cung cấp dịch vụ hội nghị là hoạt động đem lại nguồn doanh thu chính của cả Công ty.

Thời điểm xác định kết quả kinh doanh của Công ty thời điểm quý 4 năm 2019 là ngày 31/12/2019.

Các kế toán phần hành có nhiệm vụ cung cấp thông tin cũng như số liệu chính xác và đúng lúc cho Kế toán tổng hợp để lập báo cáo xác định Kết quả hoạt động kinh doanh. Kế toán trưởng sẽ là người cuối cùng trong bộ phận Kế toán thông qua báo cáo này trước khi được gửi lên ban quản trị.

3.6.2 Chứng từ sử dụng

Công ty sử dụng các chứng từ sau để xác định Kết quả hoạt động kinh doanh:

- Sổ Cái các Tài khoản liên quan
- Sổ Cái Tài khoản 911
- Bảng BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ 4 NĂM 2019

3.6.3 Tài khoản sử dụng

Để hạch toán xác định kết quả kinh doanh, Công ty sử dụng những tài khoản sau:

- Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
- Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu
- Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

-
- Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng
 - Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
 - Tài khoản 421 – Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

3.6.4 Nghiệp vụ phát sinh chủ yếu

Cuối quý, Kế toán có nhiệm vụ kết chuyển các tài khoản doanh thu và chi phí sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh:

- Kết chuyển doanh thu sang 911:
 - Nợ TK 511: 4.663.529.704
 - Nợ TK 515: 1.865.802
 - Nợ TK 711: 8.520.200
 - Có TK 911: 4.673.915.706
- Kết chuyển chi phí
 - Nợ TK 911: 2.570.702.706
 - Có TK 632: 1.873.077.554
 - Có TK 641: 111.490.088
 - Có TK 642: 565.604.814
 - Có TK 811: 20.530.250
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN:
 - Nợ TK 911: 420.642.600
 - Có TK 821: 420.642.600
- Kết chuyển lãi sau thuế:
 - Nợ TK 911: 1.682.570.400
 - Có TK 421: 1.682.570.400

➤ Cuối quý 4 năm 2019, Công ty Cổ phần PQC Convention có kết quả hoạt động kinh doanh như sau:

Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 4.673.915.706 đồng

Tổng chi phí phát sinh: 2.570.702.706 đồng

➔ Vậy, lãi mà Công ty Cổ phần PQC Convention có được trong quý 4/2019 là **1.682.570.400** đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION

Số 8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1,
TPHCM

Mẫu B02-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200
ngày 22 tháng 12 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Tài Chính)

BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019)

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4.663.529.704	
2. Các khoản giảm trừ	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4.663.529.704	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1.873.077.554	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.790.452.150	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.865.802	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	
Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	
8. Chi phí bán hàng	24		111.490.088	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		565.604.814	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		2.115.223.050	
11. Thu nhập khác	31		8.520.200	
12. Chi phí khác	32		20.530.250	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(12.010.050)	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.103.213.000	
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.30	420.642.600	
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI.30	-	
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.682.570.400	

Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

TÓM TẮT CHƯƠNG 3

Chương 3 đã cho chúng ta thấy được thực trạng về Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh quý 4 năm 2019 của Công ty Cổ phần PQC Convention. Tác giả đã tổng hợp lại một cách khá đầy đủ về các khoản doanh thu và chi phí phát sinh trong quý 4 năm 2019 của doanh nghiệp. Qua đó, có thể nhận thấy rằng, tại thời lập báo cáo thì kết quả kinh doanh của quý 4 năm 2019 chưa cao so với quy mô của doanh nghiệp do thời điểm cuối năm thường là khoảng thời gian then chốt của loại hình kinh doanh hội nghị - tiệc cưới.

Vì vậy, ở Chương 4, tác giả sẽ nêu những nhận xét cụ thể hơn về kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần PQC Convention đồng thời đưa ra được những kiến nghị để doanh nghiệp có thể tham khảo và áp dụng vào kế hoạch kinh doanh tài chính để cải thiện tình hình kinh doanh hiện tại.

CHƯƠNG 4: NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần PQC Convention, ngoài những ưu điểm cần được phát huy, em nhận thấy tình hình Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế mà Công ty cần phải khắc phục và tìm ra hướng giải quyết.

4.1 CƠ SỞ ĐƯA RA NHẬN XÉT

- Dựa trên cơ sở Chế độ kế toán theo thông tư 200/2014/TT-BTC – Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.
- Luật kế toán số 88/2015/QH14 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2015
- Thực tế công tác Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định Kết quả kinh doanh tại công ty Cổ phần PQC Convention
- Mối quan hệ giữa lợi ích và chi phí trong doanh nghiệp.

4.2 NHẬN XÉT CHUNG

Trong thời điểm kinh tế Việt Nam ngày càng phát triển, loại hình cung cấp dịch vụ nổi lên như một xu hướng, sự tiện lợi mà việc cung cấp dịch vụ ăn uống cũng như hội nghị mang lại khiến cho thị trường này như một mảnh đất màu mỡ thu hút nhiều nhà sáng lập cũng như các nhà đầu tư. Như một lẽ thường tình, khi đã được trải nghiệm sự tiện ích này, nhu cầu cũng như mong muốn của khách hàng ngày một tăng, đòi hỏi Công ty Cổ phần PQC Convention cần phải ngày càng nâng cấp quy mô dịch vụ cũng như chất lượng xứng đáng với từ “cao cấp”.

Công ty Cổ phần PQC Convention đã biết nắm bắt điều này và đã nhanh chóng mở rộng thêm chi nhánh trung tâm hội nghị mới, thay đổi thiết kế bên ngoài trở nên độc đáo và lạ mắt hơn, phân loại dịch vụ nào phù hợp khi tổ chức tại địa điểm nào hơn, làm mới thực đơn trở nên mới lạ hơn nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, không thể không nhắc tới vai trò của bộ phận Kế toán đang ngày càng được chú trọng trong công tác quản lý của Công ty Cổ phần PQC Convention. Bộ phận Kế toán đóng góp không nhỏ trong việc hình thành và phát triển của Công ty, nhờ có phần hành của Kế toán mà việc xác định doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của Công ty trở nên nhanh chóng, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho những đối tượng sử dụng các Báo cáo mà Bộ phận kế toán có nhiệm vụ thực hiện.

Mặc dù vậy, việc ưu và nhược điểm luôn song hành trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều khó tránh khỏi. Những ưu và nhược điểm đó được thể hiện ở điểm sau:

4.2.1 Ưu điểm

4.2.1.1 Đội ngũ nhân viên

- Công ty đã chú trọng chất lượng nhân sự khi đã tập hợp được đội ngũ nhân viên nói chung cũng như bộ phận Kế toán nói riêng có chuyên môn, tinh thần học hỏi cao và có trách nhiệm với công việc. Ban lãnh đạo là những người có năng lực và kinh nghiệm lâu năm trong việc điều hành, quản lý nhân viên.
- Ngoài việc có được nguồn nhân lực có kinh nghiệm, công ty cũng ưu tiên những người trẻ có lòng nhiệt huyết và tinh thần học hỏi cao để làm đa dạng hoá đội ngũ nhân viên.
- Việc tuyển chọn nhân sự theo chuyên môn được đào tạo và kinh nghiệm trước đó nhằm đẩy nhanh quá trình thích ứng công việc đồng thời rút ngắn quá trình thử việc, giúp công tác phân hành kế toán đi nhanh vào nhịp độ làm việc của cả Bộ phận Kế toán. Từ đó tiến độ công việc được đẩy nhanh, trơn tru và hiệu quả hơn.

4.2.1.2 Công tác quản lý

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty tuy đơn giản nhưng phù hợp với cơ cấu hoạt động của công ty kinh doanh dịch vụ. Các bộ phận được phân định chức năng và nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng giúp cho việc quản lý từng bộ phận trở nên dễ dàng, hiệu quả làm việc của từng bộ phận trở nên cao hơn.
- Ban lãnh đạo cũng như trưởng bộ phận luôn theo sát và trao đổi với nhân viên thường xuyên nhằm nắm rõ tình hình tiến độ công việc cũng như giải quyết các vấn đề còn tồn đọng đồng thời đưa ý kiến, giúp đỡ những thắc mắc trong công việc.
- Công ty luôn khuyến khích và tạo điều kiện linh hoạt giờ làm việc để đội ngũ nhân viên luôn có thời gian học hỏi, trau dồi thêm kiến thức bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng chuyên môn cũng như hiệu suất làm việc được hiệu quả hơn.
- Công tác tuyển dụng được thực hiện theo quy trình chọn lọc chặt chẽ, ưu tiên thái độ, trách nhiệm và mong muốn gắn bó. Bên cạnh đó, công ty cũng triển khai các chương trình thực tập sinh nhằm tạo điều kiện cho nguồn nhân lực trẻ, chưa có kinh nghiệm có cơ hội học tập và trở thành nhân viên chính thức.
- Khi có những thay đổi về cách thức cũng như quy trình công việc, Công ty sẽ mở các lớp training để thông báo cũng như hướng dẫn cho đội ngũ nhân viên tiếp nhận được những thay đổi mới.
- Cơ sở vật chất tại văn phòng (bàn ghế, tủ, máy tính, các vật dụng văn phòng phẩm,...) đáp ứng tương đối đầy đủ với nhu cầu làm việc của nhân viên.

4.2.1.3 Công tác Kế toán

❖ Tổ chức bộ máy kế toán

- Bộ máy tổ chức Kế toán của Công ty CP PQC Convention được xây dựng theo mô hình kế toán tập trung, tương đối đầy đủ và chặt chẽ để đảm bảo được tính thống nhất, tránh xảy ra sai sót trong quy trình Kế toán. Ngoài ra, việc xây dựng mô hình tập trung như vậy dễ dàng giúp người quản lý, ở đây là Trưởng phòng Tài chính và Kế toán trưởng dễ dàng trao đổi, hướng dẫn và xử lý các vấn đề xảy ra trong lúc làm việc
- Bộ phận Kế toán được chia thành những phần hành khác nhau, mỗi phần hành kế toán đều được phân công nhiệm vụ rõ ràng, đòi hỏi mỗi phần hành phải thực hiện đúng phạm vi yêu cầu công việc và luôn hoàn thành đúng thời hạn được giao.

❖ Hệ thống tài khoản

- Công ty đã áp dụng hệ thống tài khoản của Bộ Tài Chính và hạch toán theo đúng chế độ kế toán theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 22/12/2014.
- Hệ thống tài khoản sử dụng theo cấp 1 và cấp 2, phù hợp với nhu cầu sử dụng của Công ty, không quá phức tạp nhưng vẫn có sự phân chia chi tiết và rõ ràng mà không cần phải tra cứu quá nhiều trong lúc sử dụng.

❖ Hình thức kế toán

- Thay vì sử dụng các công cụ văn phòng truyền thống như Excel trước đây, công ty đã có bước thích ứng với thời đại Công nghệ 4.0 bằng cách sử dụng phần mềm Kế toán là SAP vào quy trình Kế toán.
- Việc sử dụng phần mềm không những làm đơn giản hoá công việc Kế toán mà còn giúp những báo cáo được thống kê theo nhu cầu của Công ty trở nên nhanh chóng, từ đó ban quản lý sẽ luôn nắm được tình hình tài chính của Công ty.
- Bên cạnh đó, nhờ áp dụng phần mềm kế toán vào quy trình kế toán mà số liệu, thông tin tài chính của Công ty có thể được bảo mật và an toàn nhất có thể theo từng phần hành kế toán theo nhu cầu của Công ty. Điều này giúp thu hẹp được phạm vi truy cập cũng như sử dụng thông tin của các phần hành kế toán không liên quan.

❖ Sổ sách chứng từ

- Các hoá đơn, chứng từ của Công ty đều tuân theo thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính ban hành, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lệ của từng giao dịch.
- Tất cả các chứng từ đều được sắp xếp theo trình tự thời gian, sắp xếp theo tháng và quý, đồng thời được phân loại theo từng khoản mục mà Công ty quy định giúp

cho việc tìm kiếm trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn khi có chỉ thị của Ban lãnh đạo.

- Quy trình luân chuyển chứng từ được diễn ra chặt chẽ, nghiêm ngặt theo chế độ kế toán hiện hành để đảm bảo các khoản doanh thu và chi phí không bị ghi nhận thiếu và sai sót.
- Việc sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên giúp công ty luôn quản lý được số lượng chứng từ các nghiệp vụ phát sinh một cách hiệu quả hơn.

❖ Việc ghi nhận doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

- Mọi hoạt động thu – chi đều phải được thông qua bởi kế toán phần hành và thủ quỹ, đồng thời phải có chứng từ kèm theo nhằm bảo đảm minh bạch và chính xác trong từng khoản thu – chi. Đối với những khoản chi lớn cần phải được xem xét bởi Giám đốc và Kế toán trưởng.
- Các bút toán ghi nhận doanh thu – chi phí luôn được thực hiện đúng lúc và chính xác, các khoản phát sinh chi phí cũng như những khoản doanh thu luôn được cập nhập thường xuyên để tránh thiếu sót. Các thông tin cũng như dữ liệu được nhập trên phần mềm sẽ được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo tiến độ thanh toán nhằm đảm bảo các khoản doanh thu không bị chậm trễ.

4.2.2 Hạn chế còn tồn tại

Bên cạnh những ưu điểm vừa được nêu trên, Công ty cũng đang tồn tại một số nhược điểm sau:

4.2.2.1 Công tác quản lý

- Do văn phòng nằm trong khuôn viên hội nghị nên không có nhiều phòng riêng dành cho mỗi phòng ban. Các bộ phận đều sử dụng một văn phòng lớn nên khi các bộ phận xảy ra tranh cãi hoặc việc trao đổi với khách hàng dễ ảnh hưởng tới những nhân viên đang làm việc, nhất là bộ phận Kế toán đòi hỏi sự yên tĩnh để tập trung làm việc.
- Việc tự chấm công đôi khi dễ xảy ra sai sót trong lương bổng khi có những nhân viên quên chấm công, làm ảnh hưởng tới quyền lợi cá nhân.
- Hệ thống wifi, đường truyền kết nối Internet chưa mạnh, gây bất tiện cho đội ngũ nhân viên khi thường xuyên phải trao đổi với khách hàng hoặc cấp trên qua các ứng dụng liên lạc sử dụng Internet.

4.2.2.2 Chứng từ kế toán

- Việc lưu chuyển chứng từ giữa các phòng ban và bộ phận còn khá chậm trễ làm ảnh hưởng đến việc xử lý và phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh để ghi nhận doanh thu cũng như chi phí. Một phần nguyên nhân là do sự chậm trễ trong việc

cung cấp hoá đơn của nhà cung cấp cũng như việc đẩy nhanh quá trình thanh toán của khách hàng chưa được hiệu quả.

- Chứng từ kế toán ban đầu luôn được lưu trữ và quản lý có hệ thống, tuy nhiên, trong quá trình sử dụng làm việc như: cho các nhân viên khác mượn để giải quyết công việc, ban lãnh đạo yêu cầu chứng từ,... thì việc dễ gây ra xáo trộn dẫn tới mất chứng từ là điều khó tránh khỏi.
- Công ty hiện vẫn đang sử dụng hoá đơn giấy truyền thống, vẫn chưa cập nhập lên sử dụng hoá đơn điện tử, điều này có thể dẫn đến việc tăng chi phí in hoá đơn, chưa thật sự tiết kiệm và có ích cho môi trường.

4.2.2.3 Phần mềm kế toán

- Phần mềm SAP mà Công ty sử dụng đôi khi bị lỗi và cần thời gian khá lâu (đôi khi một ngày) để khắc phục làm ảnh hưởng tới tiến độ công việc.
- Phần mềm SAP chưa thực sự thông dụng như Misa, Fast nên việc nhân viên Kế toán chưa thông thạo là điều khó tránh khỏi, đối với nhân viên mới còn phải mất thời gian để hướng dẫn.
- Do quá trình nhập liệu trên phần mềm khá phức tạp nên đôi khi còn xảy ra nhiều sai sót dẫn tới thông tin được nhập trên dữ liệu chưa được chính xác và mất thời gian điều chỉnh lại.

4.2.2.4 Tổ chức bộ máy kế toán

- Tuy bộ phận kế toán của Công ty sở hữu phần hành khá đầy đủ nhưng vẫn còn thiếu Kế toán thuế. Việc kê khai thuế hiện đang là nhiệm vụ của Kế toán tổng hợp, do vậy, khi vào các thời điểm cần phải kê khai thuế, trách nhiệm của Kế toán tổng hợp tương đối nhiều, dễ dẫn tới khả năng sai sót.
- Công ty tuy có kế toán Công nợ nhưng chưa có sự phân chia giữa kế toán phải thu và phải trả, dễ dẫn tới khả năng nhầm lẫn giữa các khoản thu – chi khi có trường hợp khách hàng vừa là nhà cung cấp.
- Do tính bảo mật về phạm vi làm việc của từng phần hành kế toán nên khi có trường hợp nhân viên xin nghỉ phép hoặc có việc đột xuất sẽ khó có người thay thế để đảm nhận công việc. Những lúc như vậy, Kế toán trưởng hoặc Kế toán tổng hợp thường phải nhận trách nhiệm công việc thay người vắng mặt, gây áp lực công việc cũng như ảnh hưởng tới năng suất làm việc.

4.2.2.5 Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Nguồn doanh thu từ hoạt động tài chính chưa được cao do số dư trong ngân hàng của Công ty khá ít (với riêng Công ty CP PQC Convention), điều này có thể làm hao hụt đi một nguồn doanh thu khá lớn từ lãi tiền gửi ngân hàng của Công ty.

-
- Công ty đang áp dụng phương pháp kiểm kê hàng tồn kho định kỳ 10 ngày/lần, điều này dễ khiến cho việc cập nhập số lượng thực tế chưa được chính xác. Bên cạnh đó, việc hàng tồn kho của Công ty đa phần là thực phẩm nên việc khoảng cách giữa những lần kiểm tra quá lâu dễ dẫn tới tình trạng thực phẩm tươi bị hư, mốc, dễ vi phạm vệ sinh an toàn thực phẩm.

4.2.3 Kiến nghị

❖ Về tổ chức bộ máy kế toán

- Nên tuyển dụng thêm một nhân viên kế toán riêng về thuế để giảm thiểu công việc của Kế toán tổng hợp cũng như đảm bảo công tác kế toán phần hành thuế sẽ được chính xác và nhanh chóng hơn.
- Tách kế toán phần hành công nợ ra thành 2 kế toán phải thu và kế toán phải trả để làm giảm khối lượng công việc và tránh nhầm lẫn giữa các nghiệp vụ thu – chi.
- Mở rộng quyền truy cập phần mềm SAP cho tất cả kế toán phần hành, trao đổi công việc thường xuyên giữa các phần hành để tăng sự kết nối công việc giữa các phần hành với nhau, tránh trường hợp khó nắm bắt công việc khi có một nhân viên nghỉ đột xuất.

❖ Về công tác quản lý

- Nên có sự phân chia giữa các phòng ban để đảm bảo không gian yên tĩnh cũng như độ bảo mật công việc giữa các phòng ban với nhau.
- Cài đặt máy chấm công bằng vân tay để đơn giản hoá việc chấm công mỗi tháng.
- Bảo trì, làm mới hệ thống wifi, Internet ở mức tối ưu để hỗ trợ nhân viên làm việc hiệu quả hơn.

❖ Về chứng từ kế toán

- Đẩy nhanh tiến độ công việc nhằm làm nhanh chóng quá trình lưu chuyển chứng từ giữa các phòng ban để tránh phát sinh chậm trễ khi ghi nhân doanh thu – chi phí. Bên cạnh đó, nên tiến hành đơn đốc nhà cung cấp xuất hoá đơn cũng như khách hàng nhanh chóng thanh toán để không làm ảnh hưởng đến việc ghi nhận doanh thu – chi phí.
- Đề ra quy định giữ gìn và thời gian trả chứng từ mà nhân viên đã lấy, lập bảng kê thông tin nhân viên đã lấy chứng từ ra khỏi nơi lưu trữ để tiện liên lạc yêu cầu trả lại chứng từ.

❖ Về phần mềm kế toán

- Yêu cầu bộ phận IT thường xuyên có mặt để bảo trì cũng như sửa lỗi khi phần mềm SAP gặp trục trặc.

-
- Tạo điều kiện hỗ trợ nhân viên tham dự các lớp hướng dẫn sử dụng phần mềm SAP trước khi nhận việc hoặc chọn lọc ít nhất 1-2 ứng viên có kinh nghiệm sử dụng phần mềm SAP trong bộ phận kế toán để có thể hỗ trợ các kế toán viên khác khi gặp trở ngại.
 - Yêu cầu kiểm tra kỹ lưỡng thông tin trên chứng từ kế toán trước khi nhập liệu trên phần mềm, làm rõ trách nhiệm khi có sai sót để nhân viên rút kinh nghiệm, tránh mắc lỗi khi nhập liệu.
 - ❖ **Về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh**
 - Làm tăng số dư trong ngân hàng bằng cách thường xuyên kiểm tra lượng tiền mặt tồn đọng trong Công ty để gửi vào ngân hàng, khuyến khích khách hàng thực hiện thanh toán bằng chuyển khoản ngân hàng,...
 - Giảm số ngày kiểm tra hàng tồn kho định kỳ xuống còn 2-3 ngày/lần để nhanh chóng cập nhập số lượng hàng tồn kho cũng như kịp thời phát hiện lượng thực phẩm có nguy cơ hư, mốc.

TÓM TẮT CHƯƠNG 4

Chương 4 đã tổng kết lại được những ưu điểm và những hạn chế trong công tác quản lý và công tác kế toán của Công ty Cổ phần PQC Convention. Có thể thấy, mặc dù doanh nghiệp có những ưu điểm khá vượt trội góp phần làm tăng trưởng lợi nhuận nhưng song song đó vẫn còn tồn tại những hạn chế cần được khắc phục để hoàn thiện để doanh nghiệp ngày càng phát triển hơn.

Các nhận xét cũng như kiến nghị đều mang tính tương đối và khách quan từ cá nhân tác giả nhằm mục đích để doanh nghiệp tham khảo với hy vọng giúp doanh nghiệp có thể hoàn thiện hơn quy trình Kế toán Doanh thu, Chi phí và Xác định kết quả kinh doanh.

KẾT LUẬN

Không thể phủ nhận tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đối với mỗi doanh nghiệp ngày nay. Nó đóng góp một phần không nhỏ vào việc giúp nhà quản trị cũng như ban lãnh đạo có thể nhanh chóng đưa ra quyết định đúng đắn để định hướng phát triển nhằm giúp doanh nghiệp trở nên lớn mạnh và có thể tồn tại lâu dài trong nền kinh tế thế giới lớn mạnh nói chung cũng như nền kinh tế Việt Nam đang ngày một phát triển nhanh chóng nói riêng.

Sau khi đã có cơ hội được thực tập tại Công ty Cổ phần PQC Convention, em đã có khoảng thời gian trải nghiệm thực tế về hệ thống kế toán của một doanh nghiệp cũng như những nhiệm vụ mà bộ phận kế toán phải đảm nhiệm trong cả doanh nghiệp. Đó là một trong những bài học quý giá với em để có thể nắm bắt cũng như phân biệt được sự khác biệt giữa lý thuyết đã được học tại trường và thực tế trong xã hội.

Việc Công ty Cổ phần PQC Convention luôn tuân thủ đúng mực chính sách kế toán và chế độ kế toán hiện hành trong Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh đã góp phần không nhỏ vào việc đánh dấu Công ty trong thị trường kinh tế trong nước cũng như gây dựng được uy tín lớn mạnh đối với khách hàng và các đối tác lâu năm.

Cùng với việc quản lý có hệ thống, hiệu quả nên công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đã phần nào thể hiện được những bước đi đúng đắn trong việc kế hoạch kinh doanh song vẫn tồn tại những nhược điểm mà công ty cần phải đưa ra những giải pháp kịp thời nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Do chưa có kinh nghiệm thực tế nhiều cũng như chưa có đủ thời gian để hiểu hết toàn bộ hệ thống kế toán tại Công ty Cổ phần PQC Convention nên đề tài nghiên cứu của em không khỏi tránh được những sai sót. Em mong sẽ nhận được sự nhận xét và góp ý của thầy cô để em có thể hoàn thiện được khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn.

PHỤ LỤC

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Liên 1: Lưu (Copy 1: For Filing)

Ngày (day)...**28** tháng (month)**10**...năm (year)**2019**

Mẫu số (Form): **01GTKT3/001**
Ký hiệu (Serial): **CH/18P**
Số HD (Inv No.): **0004653**

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION
Mã số thuế (Tax code): **0310826692-001**
Địa chỉ (Add): **8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**
Điện thoại (Tel): **(+84) 28 3911 7070 - Fax: (+84) 28 3911 7575 - Website: www.gemcenter.com.vn**

Họ tên người mua hàng (Guest name):
Tên đơn vị (Company): **CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH THUẾ VÀ TƯ VẤN KPMG**
Mã số thuế (Tax code): **0106875114-001**
Địa chỉ (Add): **115 Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh**
Số tài khoản (Account No.):
Hình thức thanh toán (Payment term): **TM/CK** tại Ngân hàng (Bank):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	Sự kiện tổ chức theo hợp đồng số: HN/191028/001 ký ngày 04/10/2019 và Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng kèm theo		01	428.400.000	428.400.000

Cộng tiền hàng (Sub-Total): 428.400.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10. %
Tiền thuế GTGT (VAT amount): 42.840.000
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total): 471.240.000

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Bốn trăm bảy mươi một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng**

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature & fullname)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature - stamp & fullname)

Trần Thị Thanh Loan

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty TNHH Giấy Vĩ Tinh Liên Sơn. Mã số thuế: 0301452923 - ĐT: (028) 39 100 555 - www.lienson.vn

Phụ lục 1



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Liên 1: Lưu (Copy 1: For Filing)

Mẫu số (Form): 01GTKT3/001

Ký hiệu (Serial): CH/18P

Ngày (day) 19 tháng (month) 11 năm (year) 2019

Số HĐ (Inv No.): 0004658

Đơn vị bán hàng (Company): **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION**
Mã số thuế (Tax code): **0310826692-001**
Địa chỉ (Add): **8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**
Điện thoại (Tel): **(+84) 28 3911 7070 - Fax: (+84) 28 3911 7575 - Website: www.gemcenter.com.vn**

Họ tên người mua hàng (Guest name):
Tên đơn vị (Company): **Công ty Cổ phần Xây Lắp Thủy Sản II**
Mã số thuế (Tax code): **0300658992**
Địa chỉ (Add): **58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh**
Số tài khoản (Account No.): _____ tại Ngân hàng (Bank): _____
Hình thức thanh toán (Payment term): **TM/CK**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Sự kiện tổ chức theo hợp đồng số: HN/191119/001 ký ngày 14/11/2019 và Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng kèm theo		01	144.609.570	144.609.570

Cộng tiền hàng (Sub-Total): **144.609.527**
Thuế suất GTGT (VAT rate): **10 %** Tiền thuế GTGT (VAT amount): **14.460.957**
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total): **159.070.570**
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): **Một trăm năm mươi chín triệu không trăm bảy mươi nghìn năm trăm bảy mươi đồng**

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature & fullname)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature - stamp & fullname)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Liên 1: Lưu (Copy 1: For Filing)

Mẫu số (Form): 01GTKT3/001

Ký hiệu (Serial): CH/18P

Ngày (day).....15 tháng (month).12...năm (year)2019

Số HĐ (Inv No.): 0005004

Đơn vị bán hàng (Company): **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION**
Mã số thuế (Tax code): **0310826692-001**
Địa chỉ (Add): **8 Nguyễn Bình Khiêm, Phường ĐaKao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh**
Điện thoại (Tel): **(+84) 28 3911 7070 - Fax: (+84) 28 3911 7575 - Website: www.gemcenter.com.vn**

Họ tên người mua hàng (Guest name):
Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY TNHH PROMO TEC VIỆT NAM**
Mã số thuế (Tax code): **0312250277**
Địa chỉ (Add): **Tầng 5, Tòa Nhà Lafayette De Saigon, 8 Phùng Khắc Khoan, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh**
Số tài khoản (Account No.): tại Ngân hàng (Bank):
Hình thức thanh toán (Payment term): **TMCK**

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
1	2	3	4	5	6=4x5
	Sự kiện tổ chức theo hợp đồng số: HN/191215/002 ký ngày 10/12/2019 và Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng kèm theo		01	50.902.000	50.902.000

Cộng tiền hàng (Sub-Total): 50.902.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 10% Tiền thuế GTGT (VAT amount): 5.090.200
Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total): 55.992.200
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words): Năm mươi lăm triệu chín trăm chín mươi hai nghìn hai trăm đồng

NGƯỜI MUA HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Buyer's signature & fullname)

NGƯỜI BÁN HÀNG
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)
(Seller's signature - stamp & fullname)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

CN CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION
08 Nguyễn Bình Khiêm, P.Đakao, Quận 1, TPHCM

Mẫu số: 02 - TT
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI
Ngày 17 Tháng 10 Năm 2019

Quyển số:
Số:

Người nhận tiền : Sales GEM Center
Địa chỉ : VIETNAM
Lý do chi : Thanh toán chi phí tiếp khách HC ngày 24/9/19
Số tiền : **2.390.000 VND**
Số tiền bằng chữ : **Hai triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng**
Kèm theo :

ĐÃ THANH TOÁN
Ngày 17 tháng 10 năm 2019

Chứng từ gốc
Ngày Tháng Năm

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người nhận tiền (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Thủ Quỹ (Ký, họ tên)

Đinh Thị Trúc Phương *Đinh Thị Trúc Phương* *Hà Hoàng Frank* *Trần H. Yến-K.Toán* *Đoàn Vũ Ngọc Anh*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Phụ lục 4

CN CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION
08 Nguyễn Bình Khiêm, P.Đakao, Quận 1, TPHCM

Mẫu số: 02 - TT
Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI
Ngày 4 Tháng 10 Năm 2019

Quyển số:
Số:

Người nhận tiền : ACCOUTING - GEM
Địa chỉ : VIETNAM
Lý do chi : Thanh toán phí tư vấn thuế T10/19
Số tiền : **4.000.000 VND**
Số tiền bằng chữ : **Bốn triệu đồng**
Kèm theo :

ĐÃ THANH TOÁN
Ngày 04 tháng 10 năm 2019

Chứng từ gốc
Ngày Tháng Năm

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Người nhận tiền (Ký, họ tên) Người lập phiếu (Ký, họ tên) Thủ Quỹ (Ký, họ tên)

Đinh Thị Trúc Phương *Đinh Thị Trúc Phương* *Đinh Thị Trúc Phương* *Trần H. Yến-K.Toán* *Đoàn Vũ Ngọc Anh*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ):

Phụ lục 5

Sacombank GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE

Số chứng từ/Ref No: 060067763583-20191031
 User In/ User ID : trangth25474
 Ngày hiệu lực/ Value Date: 31/10/2019 Ngày/ Date : 01/11/2019 08:23:04

Người gửi/Đơn vị chuyển (Sender's name):
Địa chỉ (Address):
Mã số thuế (Tax Code):
Số tài khoản (Account number):
Chi nhánh (At Bank):

Người nhận/Đơn vị nhận (Beneficiary's name): CN CTY CP PQC CONVENTION
Địa chỉ (Address): 8 NGUYEN BINH KHIEM P.DA KAO Q1 Quan 1 TP HO CHI MINH
Tài khoản ghi Có (Credit Account): 060067763583
Tại Sacombank CN/PGD (At Sacombank Branch): CHI NHANH GO VAP
Mã số thuế Chi nhánh (Branch Tax Code): 0301103908-003

Chi tiết giao dịch (Transaction details):
Số tiền ghi Có (Credit Amount): 75,871 VND
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi lăm ngàn tám trăm bảy mươi một đồng
Diễn giải (Remarks): CHI LAI TK TIEN GUI 060067763583

PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (FOR SACOMBANK'S SECTION):

Kế toán Accountant	Kiểm soát viên Authoriser	Trưởng đơn vị Manager
------------------------------	-------------------------------------	---------------------------------

Phụ lục 6

CN CÔNG TY CỔ PHẦN PQC CONVENTION
 08 Nguyễn Bình Khiêm, P.Đakao, Quận 1, TPHCM

Mẫu số: 01 - TT
 Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính

PHIẾU THU
 Số HĐ: _____
 Ngày 7 Tháng 10 Năm 2019

Quyển số:
 Số:
 Nợ: 111-03 1.078.000
 Có: 711-02 1.078.000

Người nộp tiền : Thu nhập khác
 Địa chỉ :
 Lý do : Thu tiền bồi thường do làm mất bộ đàm - BP Kinh Doanh
 Số tiền : **1.078.000 VND**
 Số tiền bằng chữ : **Một triệu không trăm bảy mươi tám nghìn đồng**
 Kèm theo : _____ Chứng từ gốc

Ngày Tháng Năm

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu) **Kế toán trưởng** (Ký, họ tên) **Người nộp tiền** (Ký, họ tên) **Người lập phiếu** (Ký, họ tên) **Thủ Quỹ** (Ký, họ tên)

Đinh Thị Trúc Phương
Đinh Thị Trúc Phương

Phan Nhi Ngọc
Phan Nhi Ngọc

Trần H. Yên-K.Toán
Trần H. Yên-K.Toán

Đoàn Vũ Ngọc Anh
Đoàn Vũ Ngọc Anh

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): _____

Phụ lục 7

Đơn vị: CN Công ty CP PQC Convention Địa chỉ: 8 Nguyễn Bình Khiêm, phường Đa Kao, quận 1, TP.	Mẫu số 02 - TT (Ban hành theo Thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của BTC)
PHIẾU CHI	
Ngày 11 tháng 10 năm 2019	Quyển số: 10
	Số: 03005
	Nợ: 811
	Có : 111
Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Trúc My..... Địa chỉ: CN Công ty CP PQC Convention..... Lý do chi: phạt tiền thanh toán chậm cho Cửa hàng trái cây chủ Hùng Số tiền: 1,000,000 (Viết bằng chữ): Một triệu đồng..... Kèm theo Chứng từ gốc:	
<div style="display: flex; justify-content: space-between; align-items: flex-end;"> <div style="text-align: center;"> Giám đốc <i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i> </div> <div style="text-align: center;"> Kê toán trưởng <i>(Ký, họ tên)</i> </div> <div style="text-align: center;"> Thủ quỹ <i>(Ký, họ tên)</i> </div> <div style="text-align: center;"> Người lập phiếu <i>(Ký, họ tên)</i> </div> <div style="text-align: center;"> Người nhận tiền <i>(Ký, họ tên)</i> </div> </div>	

Phụ lục 8

GIẤY BẢO NỢ
DEBT ADVICE
 Ngày / Date 27/11/2019

Số chứng từ / RefNo: TT1112402691\QNF
 User in / User ID : huongntq7755
 Ngày / Date : 27/11/2019 15:47:07

PGD HOA PHƯƠNG - CNHPG
 Mã số thuế / Tax code:

Đơn vị hưởng / Beneficiary:	CỤC THUẾ TP HỒ CHÍ MINH
Địa chỉ / Address:	63 Vu Tong Phan, An Phu, Quan 2, Ho Chi Minh
Số tài khoản / Account no:	060009606875
Nơi nhận / At:	SACOMBANK
Số tiền / Amount:	1,350,007 VND Một triệu ba trăm năm mươi nghìn lẻ bảy đồng
Nội dung / Description:	TIEN PHAT NOP THUE TNCN CHAM

CN CTY CP PQC CONVENTION	SACOMBANK - PGD HOA PHUONG - CNHPG
Ghi số ngày / Date:	Ghi số ngày / Date:
Kê toán <i>Accountant</i>	Chủ tài khoản <i>Account holder</i>
Giao dịch viên <i>Teller</i>	Kiểm soát viên <i>Authoriser</i>
	Trưởng đơn vị <i>Manager</i>

Phụ lục 9

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Từ ngày 01/10/2019 đến ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	KỶ NÀY	KỶ TRƯỚC
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	4,663,529,704	
2. Các khoản giảm trừ	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		4,663,529,704	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	1,873,077,554	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2,790,452,150	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1,865,802	
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		-	
8. Chi phí bán hàng	24		111,490,088	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		565,604,814	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21- 22)- (24 + 25)]	30		2,115,223,050	
11. Thu nhập khác	31		8,520,200	
12. Chi phí khác	32		20,530,250	
13. Lợi nhuận khác (40= 31 - 32)	40		(12,010,050)	
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,103,213,000	
15. Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	51	VI.30	420,642,600	
16. Chi phí thuế thu nhập DN hoãn lại	52	VI.30	-	
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		1,682,570,400	

TP.Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
28/10	0004653	Thu tiền từ tổ chức sự kiện	112		428.400.000
29/10	0004654	Thu tiền dịch vụ ăn uống	111		154.000
30/11	0004658	Thu tiền dịch vụ ăn uống	112		144.609.570
15/12	0005004	Thu tiền tổ chức sự kiện	112		50.902.000
...
31/12		Kết chuyển sang TK 911	911	4.663.529.704	
		Cộng phát sinh		4.663.529.704	4.663.529.704
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.1: Trích sổ cái Tài khoản 511

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 621 – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
08/10	...	Thanh toán tiền mua cà phê	111	4.015.000	
16/11	...	Thanh toán tiền mua rau củ quả	112	14.750.000	
...
06/12	...	Thanh toán tiền mua tôm hùm	111	27.543.500	
07/12	...	Thanh toán tiền mua thịt bò Mỹ	112	10.433.234	...
31/12	...	Thanh toán tiền mua thịt heo tháng 11	112	52.015.800	
31/12		Kết chuyển sang TK 154	154		923.320.773
		Cộng phát sinh		923.320.773	923.320.773
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.2: Trích Sổ cái Tài khoản 621

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 622 – Chi phí nhân công trực tiếp					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/10	...	Trả lương nhân viên tháng 10 năm 2019	334	137.535.286	
31/10	...	Các khoản trích theo long	338	16.747.146	
...
08/12		Trả lương nhân viên phục vụ theo giờ	111	15.250.000	
15/12		Trả lương nhân viên phục vụ theo giờ	111	1.970.000	
...	
31/12		Trả lương nhân viên tháng 12	334	224.354.676	
31/12		Các khoản trích theo lương	338	11.136.398	
31/12		Kết chuyển sang TK 154	154		749.651.182
		Cộng phát sinh		749.651.182	749.651.182
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.3: Trích Sổ cái Tài khoản 622

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 627 – Chi phí sản xuất chung					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
02/10	...	Thanh toán tiền mua lò nướng bánh	112	23.500.000	
12/10	...	Phải trả người bán	331	13.455.336	
...	
11/12	...	Thanh toán tiền bảo trì lò nướng bánh	111	12.200.000	
13/12	...	Thanh toán tiền sửa chữa sàn Polute	112	18.400.000	
14/12		Thay bình ga trong nhà bếp	112	4.242.654	
31/12	...	Khấu hao TSCĐ	214	12.662.148	
31/12		Kết chuyển sang TK 154	154		200.105.599
		Cộng phát sinh		200.105.599	200.105.599
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.4: Trích Sổ cái Tài khoản 627

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12		Kết chuyển CP NVLTT	621	923.320.773	
31/12		Kết chuyển CP NCTT	622	749.651.182	
31/12		Kết chuyển CP SXC	627	200.105.599	
31/12	49440	Kết chuyển TK 621,622,627 sang TK 154	154		1.873.077.554
		Cộng phát sinh		1.873.077.554	1.873.077.554
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.5: Trích Sổ cái Tài khoản 154

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản - 632					
Tháng 10 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đôi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12	49441	Kết chuyển TK 154 sang TK 632 T10/2019	154		1.873.077.554
31/12	49446	Kết chuyển sang TK 911	911	1.873.077.554	
		Cộng phát sinh		1.873.077.554	1.873.077.554

Bảng 3.6: Trích Sổ cái Tài khoản 632

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
07/10	...	Thanh toán phí giới thiệu khách hàng	111		1.384.500
17/10	...	Thanh toán chi phí tiếp khách	111		2.390.000
26/10	...	Thanh toán tiền đặt bàn trên tablenow.vn	112		6.225.000
19/12	...	Thanh toán tiền may trang phục theo Hợp Đồng 197	112		46.750.000
...
31/10		Kết chuyển sang TK 911	911		111.490.088
		Cộng phát sinh		111.490.088	111.490.088
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.7: Trích Sổ cái Tài khoản 641

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
04/10	...	Thanh toán phí tư vấn thuế tháng 10/2019	111	4.000.000	
10/10	...	Thanh toán tiền mua mẫu in HD GTGT	112	4.235.000	
17/10	...	Thanh toán cước Hotline Viettel	111	512.501	
30/10	...	Thanh toán tiền cước chuyển phát	112	843.621	
31/10	...	Khấu hao TSCĐ tháng 10/2019	2141	126.456.750	
...
31/12		Kết chuyển sang TK 911	911		565.604.814
		Cộng phát sinh		565.604.814	565.604.814
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.8: Trích Sổ cái Tài khoản 642

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12	...	Lãi NH Sacombank	112		75.871
31/12	...	Lãi NH Vietcombank	112		115.333
31/12		Kết chuyển sang TK 911	911	1.865.802	
		Cộng phát sinh		1.865.802	1.865.802
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.9: Trích Sổ cái Tài khoản 515

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 711-Thu nhập khác					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
07/10	...	Thu tiền bồi thường do mất bộ đàm	111		1.078.000
27/10	...	Thu tiền tip Convention	111		2.000.000
....
31/12		Kết chuyển sang TK 911	911	8.520.200	
		Cộng phát sinh		8.520.200	8.520.200

Bảng 3.10: Trích Sổ cái Tài khoản 711

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 811 – Chi phí khác					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
11/10	03005	Thanh toán tiền phạt do trả chậm	111		1.000.000
27/11	...	Thanh toán tiền chậm nộp thuế TNCN	112		1.350.007
...
31/12		Kết chuyển sang TK 911	911	20.530.250	
		Cộng phát sinh		20.530.250	20.530.250
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.11: Trích Sổ cái Tài khoản 811

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 821 – Chi phí thuế TNDN hiện hành					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đổi ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12	...	Thuế TNDN quý 4/2019	3334	420.642.600	
31/12	...	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		420.642.600
		Cộng phát sinh		420.642.600	420.642.600
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.12: Trích Sổ cái Tài khoản 821

CN Công ty CP PQC CONVENTION					
SỔ CÁI					
Tài khoản 911 – Xác định kết quả hoạt động kinh doanh					
Quý 4 Năm 2019					
Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
31/12		Kết chuyển DT bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		4.663.529.704
31/12		Kết chuyển GVHB	632	1.873.077.554	
31/12		Kết chuyển chi phí bán hàng	641	111.490.088	
31/12		Kết chuyển chi phí QLDN	642	565.604.814	
31/12		Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		1.865.802
31/12		Kết chuyển thu nhập khác	711		8.520.200
31/12		Kết chuyển chi phí khác	811	20.530.250	
31/12		Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	420.642.600	
		Kết chuyển lãi	421	1.682.570.400	
		Cộng phát sinh		4.673.915.706	4.673.915.706
		Số dư cuối kỳ			

Bảng 3.13: Trích Sổ cái Tài khoản 911

